



NGUYỄN THIÊN MINH (Tổng Chủ biên) - LÊ HOÀI NAM (Chủ biên)
NGUYỄN ĐỨC HẠNH - PHÍ VĂN HẠNH - NGUYỄN NGỌC HUYNH
UÔNG THIÊN HOÀNG - HOÀNG LÊ NAM - VŨ THỊ NGÀ - NGUYỄN VĂN TÌNH
PHẠM HỮU TUẤN - NGUYỄN THANH SƠN - LƯƠNG HỒNG SINH

Giáo dục quốc phòng và an ninh

BẢN MẪU

10



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Đọc sách tại hoc10.vn

NGUYỄN THIỆN MINH (Tổng Chủ biên) – LÊ HOÀI NAM (Chủ biên)
NGUYỄN ĐỨC HẠNH – PHÍ VĂN HẠNH – NGUYỄN NGỌC HUYNH
UÔNG THIỆN HOÀNG – HOÀNG LÊ NAM – VŨ THỊ NGÀ – NGUYỄN VĂN TÌNH
PHẠM HỮU TUẤN – NGUYỄN THANH SƠN – LƯƠNG HỒNG SINH

Giáo dục quốc phòng và an ninh



10

BẢN MẪU

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Đọc sách tại hoc10.vn

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



Khởi động

Thực hiện hoạt động khởi động sẽ giúp em hướng đến những điều cần tìm hiểu của bài học.



Khám phá

Thực hiện hoạt động khám phá sẽ giúp em hình thành kiến thức mới, giải quyết vấn đề đặt ra của bài học.



Thực hành

Thực hiện các nội dung thực hành là một trong những cách giúp em khám phá, rèn luyện kiến thức, kỹ năng của bài học.



Luyện tập

Thực hiện hoạt động luyện tập sẽ giúp em rèn luyện các kiến thức, kỹ năng đã học.



Vận dụng

Thực hiện hoạt động này sẽ giúp em vận dụng được những điều đã học vào cuộc sống.



Em có biết

Thông tin mục này giúp em mở rộng hiểu biết về nội dung bài học.

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	4
CHỦ ĐỀ 1. MỘT SỐ HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	5
Bài 1. Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5
Bài 2. Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam	12
Bài 3. Ma túy, tác hại của ma túy	18
Bài 4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông	24
Bài 5. Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	30
Bài 6. Một số hiểu biết về an ninh mạng	35
CHỦ ĐỀ 2. ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ VÀ CHIẾN THUẬT BỘ BINH	40
Bài 1. Một số nội dung Điều lệnh quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân	40
Bài 2. Đội ngũ từng người không có súng	45
Bài 3. Đội ngũ tiểu đội	57
Bài 4. Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu	64
CHỦ ĐỀ 3. MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ	70
Bài 1. Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ	70
Bài 2. Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	77
BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ	86

Lời nói đầu

Các em học sinh yêu quý!

Sách giáo khoa **Giáo dục quốc phòng và an ninh 10** trong bộ sách Cánh Diều được biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành kèm theo Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24-11-2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sách được thiết kế, biên soạn nhằm góp phần hình thành, phát triển năng lực nhận thức một số vấn đề về quốc phòng, an ninh và năng lực vận dụng các kiến thức, kĩ năng quân sự, an ninh đã học vào cuộc sống, từ đó hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh trung học phổ thông.

Sách giáo khoa **Giáo dục quốc phòng và an ninh 10** gồm 12 bài học thuộc 3 chủ đề: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh (6 bài); Điều lệnh đội ngũ và chiến thuật bộ binh (4 bài); Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự (2 bài). Sách tạo điều kiện cho các em tìm hiểu, khám phá, hình thành kiến thức, kĩ năng luyện tập, trải nghiệm, vận dụng các nội dung đã học vào một số hoạt động chung của nhà trường và trong sinh hoạt hằng ngày.

Sách có nhiều hình ảnh sinh động, phong phú cùng các tình huống, bài tập gợi mở được trình bày, diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, hấp dẫn giúp các em hứng thú, say mê học tập.

Mong các em tích cực học tập theo hướng dẫn của sách, của thầy, cô giáo và người thân. Các em không viết, vẽ vào sách và hãy giữ gìn cuốn sách thật cẩn thận, sạch đẹp để sử dụng lâu dài.

Chúc các em có nhiều niềm vui và học tập thật tốt giờ học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Các tác giả

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nêu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ;
- Từ những truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua mỗi giai đoạn.



Bạn Kiên có bố công tác ở bộ chỉ huy quân sự tỉnh, mẹ là cán bộ chuyên trách chống buôn lậu ở cửa khẩu hải quan và anh trai là tự vệ ở cơ quan nhà nước. Bạn Hà có bố là vệ sĩ, mẹ công tác ở công an tỉnh và chị gái là công nhân quốc phòng.

Theo em, thành viên nào trong gia đình bạn Kiên, gia đình bạn Hà thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam? Công an nhân dân Việt Nam? Dân quân tự vệ?

I. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**1. Lịch sử hình thành, phát triển**

1. Theo em, mỗi hình ảnh trong hình 1.1 gắn với sự kiện và mốc thời gian nào trong lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam? Em hãy nêu một số sự kiện khác tương tự.

2. Quân đội nhân dân Việt Nam được hình thành, phát triển qua những giai đoạn nào? Em hãy nêu hoạt động chính của mỗi giai đoạn.



a)



b)



c)

Hình 1.1

Giai đoạn hình thành (1930 – 1945): Ngay từ buổi đầu Cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã chủ trương thành lập các đội tự vệ: Đội Tự vệ công nông, Đội Du kích Bắc Sơn, Trung đội Cứu quốc quân,... Đây là những đội vũ trang đầu tiên của Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập. Tháng 4-1945, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân hợp nhất với lực lượng Cứu quốc quân và đổi tên thành Việt Nam Giải phóng quân.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954): Sau Cách mạng tháng Tám, Việt Nam Giải phóng quân đổi tên thành Vệ quốc đoàn. Ngày 22-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh 71-SL thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam; từ năm 1950, Quân đội Quốc gia Việt Nam đổi tên là Quân đội nhân dân Việt Nam và được gọi đến ngày nay. Quân đội nhân dân Việt Nam đã cùng toàn dân đánh bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của quân đội Pháp lên chiến khu Việt Bắc (1947) và giành thắng lợi trong chiến cuộc Đông Xuân (1953 – 1954), đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975): Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, nước ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thực hiện lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, quân đội lớn mạnh không ngừng, chiến đấu anh dũng, đánh bại các loại hình chiến tranh, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh (30-4-1975).

Giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (từ năm 1975 đến nay): Quân đội nhân dân tiếp tục cùng toàn Đảng, toàn dân đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, chống chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam và chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc; đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo; làm nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2. Bản chất và truyền thống



Theo em, bản chất và truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?

Bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam là đội quân cách mạng, mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam.



Ngày đầu thành lập, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân có 34 người với 34 khẩu súng các loại. Đội trưởng là đồng chí Hoàng Sâm, Chính trị viên là đồng chí Xích Thắng. Chiến công đầu tiên của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là hạ đồn Phay Khắt và đồn Nà Ngần, viết nên truyền thống “đánh thắng trận đầu” của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, quân đội nhân dân đã viết nên truyền thống vẻ vang: trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và nhân dân; quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng; gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí; đoàn kết nội bộ, cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, thương yêu giúp đỡ nhau, trên dưới đồng lòng, thống nhất ý chí và hành động; kỉ luật tự giác, nghiêm minh; độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong xây dựng quân đội, xây dựng đất nước; lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hoá, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan; luôn luôn nêu cao tinh thần ham học, cầu tiến bộ, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống; đoàn kết quốc tế trong sáng, thuỷ chung, chí nghĩa, chí tình.

3. Nét cơ bản của nghệ thuật quân sự

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nghệ thuật quân sự phát triển phong phú, góp phần quan trọng vào thắng lợi của quân và dân ta. Nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam là kết hợp sáng tạo nhiều cách đánh, nhiều hình thức đấu tranh của nhiều lực lượng tạo sức mạnh tổng hợp; kết hợp chiến đấu tại chỗ với cơ động, thực hiện đánh tiêu hao rộng khắp, đánh tiêu diệt có trọng điểm, đánh bằng mưu, kế, thế, thời, hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của địch để đánh địch. Nghệ thuật quân sự Việt Nam đã và đang được phát huy, phát triển trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.



Em hãy nêu những nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

II. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Lịch sử hình thành, phát triển

Giai đoạn hình thành (1930 – 1945): Để chống các hoạt động phá hoại, do thám của thực dân Pháp và chính quyền tay sai, đồng thời để bảo vệ cách mạng, Đảng ta đã thành lập Đội Tự vệ đỏ, Đội Tự vệ công nông, Ban Công tác đội, Đội Tự vệ cứu quốc, Đội Danh dự trừ gian, Đội Trinh sát, Đội Hộ lương diệt ác. Đây là các tổ chức tiền thân của Công an nhân dân Việt Nam. Ngày 19-8-1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, Công an nhân dân Việt Nam ra đời; ở Bắc Bộ thành lập Sở Liêm phóng và Sở Cảnh sát, ở Trung Bộ thành lập Sở Trinh sát, ở Nam Bộ thành lập Quốc gia tự vệ cuộc.



1. Trước khi Công an nhân dân Việt Nam ra đời, các tổ chức nào dưới đây được thành lập?

- a) Đội Danh dự trừ gian;
- b) Đội Trinh sát;
- c) Ban Công tác đội;
- d) Đội Tự vệ công nông;
- e) Đội Tự vệ đỏ;
- g) Đội Tự vệ cứu quốc;
- h) Đội Hộ lương diệt ác;
- i) Nha Công an.

2. Em hãy nêu tên gọi và hoạt động chính của Công an nhân dân Việt Nam từ khi ra đời đến nay.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954): Ngày 21-02-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh 23-SL hợp nhất Sở Cảnh sát và Sở Liêm phóng toàn quốc thành Việt Nam Công an vụ. Việt Nam Công an vụ có nhiệm vụ tìm hiểu, tập trung tin tức, tài liệu liên quan đến an toàn quốc gia,...

Trong giai đoạn này, Công an nhân dân Việt Nam đã lập nhiều chiến công xuất sắc, bảo vệ Đảng, chính quyền dân chủ nhân dân mới thành lập. Năm 1946, thực hiện lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Công an nhân dân đấu tranh chống phản cách mạng và tội phạm trong vùng địch tạm chiếm, vùng tranh chấp; chống phản cách mạng, bảo vệ an ninh, trật tự vùng hậu phương. Từ năm 1948 đến năm 1953, bộ máy tổ chức của Công an nhân dân có sự điều chỉnh, Nha Công an Trung ương đổi tên thành Thứ bộ Công an, sau đó thành Bộ Công an (1953).

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975): Công an nhân dân miền Bắc tổ chức hoạt động đấu tranh chống phản cách mạng, tội phạm và chi viện cho lực lượng an ninh miền Nam, góp phần làm thất bại âm mưu chia cắt đất nước lâu dài của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (từ năm 1975 đến nay): Năm 1976, Bộ Công an và một phần Bộ Nội vụ hợp nhất thành Bộ Nội vụ, Công an nhân dân vừa chống phản động vừa tập trung giáo dục cải tạo thực hiện nhiệm vụ tiếp quản; đấu tranh chống địch lợi dụng các vấn đề về dân tộc, tôn giáo; phòng, chống bạo loạn; chống chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam và chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc; đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự, an ninh xã hội. Năm 1998, Bộ Nội vụ đổi tên thành Bộ Công an.



Hình 1.2. Đội trinh sát khám phá vụ án số 7 phố Ôn Như Hầu (nay là phố Nguyễn Gia Thiều, Hà Nội) (1946)



Hình 1.3. Cán bộ, chiến sĩ công an miền Bắc lên đường chi viện cho chiến trường miền Nam (1968)



Hình 1.4. Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch; tiếp tục đấu tranh chống địch lợi dụng các vấn đề về dân tộc, tôn giáo để xâm phạm an ninh quốc gia; phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm hình sự nguy hiểm, tội phạm sử dụng công nghệ cao, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia,...; bài trừ tệ nạn xã hội; đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong bảo vệ an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Bản chất và truyền thống

Công an nhân dân Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam.



Theo em, Công an nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp nào? Truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam là gì?

Quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Công an nhân dân Việt Nam đã viết nên truyền thống:

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng Cộng sản Việt Nam, với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nhân dân Việt Nam; chiến đấu anh dũng không ngại hi sinh vì nền độc lập, tự do, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vì an ninh Tổ quốc.

- Công an nhân dân từ nhân dân mà ra, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân để làm việc và chiến đấu thắng lợi.

- Công an nhân dân không ngừng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, có lối sống trong sạch, lành mạnh, trung thực, khách quan.

- Phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, tận tụy với công việc, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Nội bộ đoàn kết, thống nhất, dân chủ, kỉ luật nghiêm minh, phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với các cấp, các ngành, các lực lượng.

- Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, bí mật, mưu trí, dũng cảm, cương quyết, khôn khéo, tích cực phòng ngừa, chủ động tiến công kẻ địch và bọn tội phạm.

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ và năng lực công tác; tiếp thu, vận dụng sáng tạo, hiệu quả thành tựu khoa học - kĩ thuật và công nghệ phục vụ công tác, chiến đấu.

- Nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng, thuỷ chung, chí nghĩa, chí tình.

III. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Lịch sử hình thành, phát triển



1. Theo em, ngày truyền thống của lực lượng Dân quân tự vệ là ngày nào?

a) Ngày 19-12 hằng năm; b) Ngày 28-3 hằng năm; c) Ngày 22-12 hằng năm.

2. Em hãy nêu tên gọi và các hoạt động chính của Dân quân tự vệ qua các giai đoạn.

Giai đoạn hình thành (1935 – 1945): Ngày 28-3-1935, Đại hội lần thứ I của Đảng đã thông qua Nghị quyết về đội tự vệ, từ đó ngày này trở thành ngày truyền thống của lực lượng Dân quân tự vệ. Lực lượng Dân quân tự vệ và du kích đã cùng toàn dân tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa và giành chính quyền tháng 8-1945.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954): Hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946), lực lượng Dân quân tự vệ và du kích phát triển rộng khắp cả nước và ngày càng lớn mạnh; là thành phần của lực lượng vũ trang ba thứ quân, cùng nhân dân xây dựng làng xã chiến đấu, bám đất, bám dân, tiêu hao lớn quân địch, phá tề, trừ gian; tích cực phối hợp với bộ đội địa phương chống địch càn quét, bao vây, bức hàng, bức rút nhiều đồn bốt địch, giải phóng làng, xã; cùng bộ đội chủ lực thực hiện nhiều chiến dịch lớn, đánh bại các biện pháp chiến lược của địch, góp phần giành thắng lợi quyết định trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

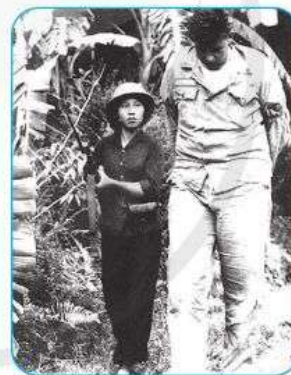
Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975): Lực lượng Dân quân du kích hai miền Nam, Bắc kết hợp cùng Quân đội nhân dân luôn chủ động đánh địch; vận dụng các hình thức đánh địch sáng tạo trên khắp ba vùng chiến lược (vùng rừng núi, vùng nông thôn đồng bằng và vùng đô thị); kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến công địch bằng ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) cùng lực lượng vũ trang và toàn dân làm nên chiến thắng 30-4-1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.



Hình 1.5. Đội du kích Ba Tư tuyên thệ (1945)



Hình 1.6. Chiến sĩ tự vệ và nhân dân Hà Nội chuẩn bị chống thực dân Pháp (1946)



a)



b)

Hình 1.7

? Bức ảnh O du kích nhỏ (hình 1.7a) do nhà báo Phan Thoan chụp ngày 21-9-1965. Hai nhân vật trong bức ảnh là nữ du kích Nguyễn Thị Kim Lai và tù binh – phi công Mỹ William Andrew Robinson. Tháng 12-1973, viên phi công được trao trả về Mỹ. Tháng 9 -1995, Robinson và nữ du kích đã có cuộc gặp gỡ tại Việt Nam (hình 1.7b).

Giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (từ năm 1975 đến nay): Dân quân tự vệ làm nòng cốt cho nhân dân ở cơ sở khắc phục hậu quả chiến tranh, truy quét tàn quân,...; phối hợp với các lực lượng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chống chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam và chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước ở địa phương, cơ sở; xung kích trong lao động sản xuất, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa và các sự cố khác; vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực thực hiện các chương trình phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương, cơ sở.



Hình 1.8. Dân quân tự vệ giúp người dân thu hoạch lúa

2. Truyền thống



Quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng Dân quân tự vệ luôn thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã"*. Theo em, truyền thống của Dân quân tự vệ là gì?

Dân quân tự vệ là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân; đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ huy cao nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; sự chỉ huy của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, người chỉ huy đơn vị quân đội.

Quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng Dân quân tự vệ đã viết nên truyền thống: luôn trung thành với Tổ quốc, nhân dân và sự nghiệp cách mạng của Đảng; chiến đấu kiên cường, mưu trí, dũng cảm; lao động, học tập và công tác sáng tạo, hiệu quả.



1. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam gồm những lực lượng nào? Lực lượng nào ra đời sớm nhất?

2. Em hãy nêu những đặc điểm chung về truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ.



Ngày 19-9-1954, tại Đền Hùng, xã Hy Cương, huyện Lâm Thao (nay là thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ), khi gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: *"Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"*.



Qua tìm hiểu từ các phương tiện thông tin đại chúng và người thân, em hãy xây dựng báo cáo bằng hình ảnh và thuyết minh trước lớp về một trong hai chủ đề sau:

– Những nét chính về lịch sử hình thành, phát triển của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

– Những nét chính về truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Phân tích và trình bày được những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân;
- Tích cực, chủ động thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về quốc phòng và an ninh;
- Qua nghiên cứu về nội dung luật, có định hướng nghề nghiệp sau khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; phấn đấu được ở lại phục vụ quân đội, công an lâu dài cũng như đăng kí thi vào các học viện, nhà trường quân đội, công an.



Bạn Hà đang học lớp 10, có nguyện vọng trở thành sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hoặc sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam. Theo em, bạn Hà cần phải chuẩn bị những gì để có thể đạt được nguyện vọng đó?

I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Hình 2.1 là một số hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông. Em hãy cho biết các bạn đang tham gia những hoạt động nào?
2. Theo em, môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện chính khoá ở những nhà trường nào?
3. Mục tiêu, quyền và trách nhiệm của công dân đối với giáo dục quốc phòng và an ninh là gì? Các hành vi nào bị nghiêm cấm đối với giáo dục quốc phòng và an ninh?



a)



b)



c)



d)

Hình 2.1

Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh⁽¹⁾ gồm 8 chương, 47 điều quy định nguyên tắc, chính sách, nội dung cơ bản, hình thức giáo dục quốc phòng và an ninh; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, quyền và trách nhiệm của công dân về giáo dục quốc phòng và an ninh; trong đó có một số nội dung sau:

1. Mục tiêu giáo dục quốc phòng và an ninh (Điều 4)

Giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Quyền và trách nhiệm của công dân về giáo dục quốc phòng và an ninh (Điều 7)

Công dân có quyền và trách nhiệm học tập, nghiên cứu để nắm vững kiến thức quốc phòng và an ninh. Người tham gia giáo dục quốc phòng và an ninh được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 9)

– Lợi dụng hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh để tuyên truyền xuyên tạc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; tiết lộ bí mật nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

– Cản trở việc thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh.

– Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

4. Giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường

Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trung học cơ sở được thực hiện lồng ghép thông qua nội dung các môn học trong chương trình, kết hợp với hoạt động ngoại khoá phù hợp với lứa tuổi (theo Điều 10).

Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; trường cao đẳng nghề, cơ sở giáo dục đại học; trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội là môn học chính khoá (theo Điều 11, Điều 12 và Điều 13).



Bạn Hùng học lớp 10, có em trai là Dũng học lớp 8. Chủ nhật tuần này, trường của Dũng tổ chức ngoại khoá giáo dục quốc phòng và an ninh với chủ đề "Em yêu biển đảo quê hương". Dũng định nói với bố mẹ viết giấy phép xin không tham gia buổi ngoại khoá này để ở nhà ôn tập môn Toán và môn Tiếng Anh. Đây cũng là hai môn Dũng sẽ tham dự kì thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh sắp tới. Nếu em là Hùng, em sẽ nói gì với Dũng?

⁽¹⁾ Luật số 30/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19-6-2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2014.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM



1. Em hãy quan sát hình 2.2 và nêu một số hoạt động của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Theo em, vị trí, chức năng, nghĩa vụ của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?
3. Công dân cần phải có những điều kiện gì để được tuyển chọn đào tạo sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam?

Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam⁽¹⁾ gồm 7 chương, 51 điều quy định về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; trong đó có một số nội dung sau:

1. Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (Điều 1)

Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (gọi chung là sĩ quan) là cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực quân sự, được Nhà nước phong quân hàm cấp Úy, cấp Tá, cấp Tướng.

2. Vị trí, chức năng của sĩ quan (Điều 2)

Sĩ quan là lực lượng nòng cốt của quân đội và là thành phần chủ yếu trong đội ngũ cán bộ quân đội, đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý hoặc trực tiếp thực hiện một số nhiệm vụ khác, bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

3. Nghĩa vụ của sĩ quan (Điều 26)

– Sẵn sàng chiến đấu, hi sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tham gia xây dựng đất nước, bảo vệ tài sản và lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức; bảo vệ tính mạng, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân.

– Thường xuyên giữ gìn và trau dồi đạo đức cách mạng, học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực về chính trị, quân sự, văn hoá, chuyên môn và thể lực để hoàn thành nhiệm vụ.



a)



b)



c)



d)

Hình 2.2

⁽¹⁾ Luật số 16/1999/QH10 được Quốc hội thông qua ngày 21-12-1999 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-4-2000; sửa đổi, bổ sung năm 2008 và năm 2014.

- Tuyệt đối phục tùng tổ chức, phục tùng chỉ huy; nghiêm chỉnh chấp hành điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội; giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia.
- Thường xuyên chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần của bộ đội.
- gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tôn trọng và gần bó mật thiết với nhân dân.

4. Điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan (Điều 4)

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khoẻ và tuổi đời; có nguyện vọng và khả năng hoạt động trong lĩnh vực quân sự thì có thể được tuyển chọn đào tạo sĩ quan.

5. Nguồn bổ sung sĩ quan tại ngũ (Điều 5)

Những người sau đây được tuyển chọn bổ sung cho đội ngũ sĩ quan tại ngũ: Hạ sĩ quan, binh sĩ tốt nghiệp các trường đào tạo sĩ quan hoặc các trường đại học ngoài quân đội; hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu; quân nhân chuyên nghiệp và công chức quốc phòng tại ngũ tốt nghiệp đại học trở lên đã được đào tạo, bồi dưỡng chương trình quân sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; cán bộ, công chức ngoài quân đội và những người tốt nghiệp đại học trở lên được điều động vào phục vụ trong quân đội đã được đào tạo, bồi dưỡng chương trình quân sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; sĩ quan dự bị.



Hai bạn Chiến và Quân đang học lớp 10, có nguyện vọng trở thành sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo Chiến, học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ quân sự mới được dự tuyển vào một trường quân sự để học và trở thành sĩ quan. Quân lại nghĩ, cần tốt nghiệp một trường đại học (không nhất thiết là trường quân sự), sau đó hoàn thành nghĩa vụ quân sự là có thể trở thành sĩ quan. Em có đồng ý với hai bạn không? Vì sao?

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN



1. Em hãy quan sát hình 2.3 và nêu một số hoạt động của Công an nhân dân Việt Nam.
2. Vị trí, chức năng của Công an nhân dân là gì?
3. Tiêu chuẩn của công dân để được tuyển chọn vào Công an nhân dân? Đối tượng nào được ưu tiên?
4. Nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân của công dân là gì?

Luật Công an nhân dân⁽¹⁾ gồm 7 chương, 46 điều quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; bảo đảm điều kiện hoạt động, chế độ, chính sách đối với Công an nhân dân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; trong đó có một số nội dung sau:

⁽¹⁾ Luật số 37/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20-11-2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2019.

1. Vị trí của Công an nhân dân (Điều 3)

Công an nhân dân là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Chức năng của Công an nhân dân (Điều 15)

Công an nhân dân có chức năng tham mưu với Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

3. Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân (theo Điều 7)

Công dân có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ, sức khỏe, độ tuổi và năng khiếu phù hợp với công tác công an, có nguyện vọng và Công an nhân dân có nhu cầu thì có thể được tuyển chọn vào Công an nhân dân. Công an nhân dân được ưu tiên tuyển chọn sinh viên, học sinh xuất sắc tốt nghiệp ở các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ tiêu chuẩn để đào tạo, bổ sung vào Công an nhân dân.

4. Nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (theo Điều 8)

Công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân là thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc trong lực lượng vũ trang nhân dân. Hằng năm, Công an nhân dân được tuyển chọn công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ vào phục vụ trong Công an nhân dân với thời hạn là 24 tháng. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ nhưng không quá 6 tháng trong trường hợp sau đây: để bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ.



a)



b)



c)



d)

Hình 2.3



1. Bố Hoàng là sĩ quan cảnh sát cơ động đã anh dũng hi sinh khi làm nhiệm vụ. Hoàng đang học ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp và muốn trở thành sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam để tiếp nối sự nghiệp của bố. Nhưng Hoàng băn khoăn liệu có con đường nào dành cho học sinh học nghề phấn đấu trở thành sĩ quan Công an nhân dân không? Em hãy viết thư tư vấn cho bạn Hoàng.
2. Còn một tuần nữa anh Bách hết 24 tháng thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân và trở về để dự kì thi tuyển sinh vào một trường công an. Nhưng anh Bách vừa nhận được quyết định kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ do đơn vị đang tham gia phòng chống dịch bệnh. Bố mẹ anh Bách biết tin rất lo lắng vì anh Bách lại lỡ một kì thi. Nếu em là anh Bách, em sẽ nói gì với bố mẹ?



1. Em hãy trình bày trước lớp báo cáo về chủ đề: “Học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh – Những điều thú vị”.
2. Em hãy xây dựng và trình bày trước lớp kế hoạch tổ chức ngoại khoá cho học sinh một trường trung học cơ sở (ở gần trường em đang học) về giáo dục quốc phòng và an ninh.
3. Giả sử em là báo cáo viên trong chương trình *Ngày hội hướng nghiệp* sắp tổ chức tại trường, em hãy xây dựng và trình bày trước lớp kế hoạch tuyên truyền, vận động các bạn đăng kí dự tuyển vào các học viện, nhà trường quân đội và công an.



Ngoài Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân còn có một số luật khác liên quan đến quốc phòng và an ninh, trong đó có các luật sau:

- Luật Dân quân tự vệ⁽¹⁾ quy định về nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Dân quân tự vệ.
- Luật Quốc phòng⁽²⁾ quy định nguyên tắc, chính sách, hoạt động cơ bản về quốc phòng; tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm; lực lượng vũ trang nhân dân; bảo đảm quốc phòng; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức; quyền và nghĩa vụ của công dân về quốc phòng.
- Luật An ninh quốc gia⁽³⁾ quy định về chính sách an ninh quốc gia; nguyên tắc, nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia.

⁽¹⁾ Luật số 48/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 22-11-2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2020.

⁽²⁾ Luật số 22/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 08-6-2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2019.

⁽³⁾ Luật số 32/2004/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 03-12-2004 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2005.

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nêu được quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy;
- Phân tích được tác hại của ma túy và những hình thức, con đường gây nghiện;
- Chủ động, tích cực vận động người thân, cộng đồng trong việc đấu tranh phòng, chống ma túy.



Trong thời gian sinh hoạt hè ở địa phương, bạn Hoa được phân công tuyên truyền, vận động mọi người ở cộng đồng về phòng, chống ma túy.

Em hãy tư vấn cho bạn Hoa về nội dung cần tuyên truyền, vận động.

I. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ

1. Quy định tại Luật Phòng, chống ma túy

Luật Phòng, chống ma túy⁽¹⁾ gồm 8 chương, 55 điều quy định về phòng, chống ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

Một số nội dung của Luật Phòng, chống ma túy:

a) *Chất ma túy, cây có chứa chất ma túy và người nghiện ma túy*

Chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần, được quy định trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành. Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng. Chất hướng thần là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.



Theo em, chất ma túy là gì? Những cây nào có chứa chất ma túy? Thế nào là người nghiện ma túy?



a) Cỏ sa thảo mộc b) Heroine dạng bột c) Morphine dạng lỏng d) Nhựa thuốc phiện e) Ma túy tổng hợp

Hình 3.1. Một số chất ma túy

⁽¹⁾ Luật số 73/2021/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 30-3-2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2022.

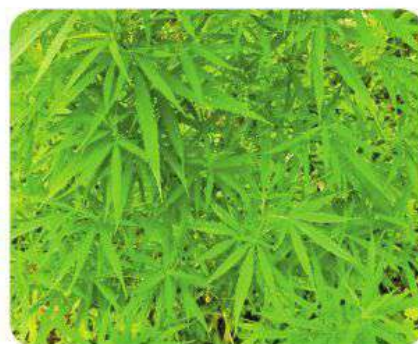
Cây có chứa chất ma túy là cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định.



a) Cây thuốc phiện



b) Cây côca



c) Cây cần sa

Hình 3.2. Cây có chứa chất ma túy

Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

b) Các hành vi bị nghiêm cấm

Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, trao đổi trái phép chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy.

Chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy; cản trở người thực thi nhiệm vụ phòng, chống ma túy, người tham gia phòng, chống ma túy.

c) Trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong phòng, chống ma túy

Tuyên truyền, giáo dục thành viên trong gia đình, người thân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

Thực hiện đúng chỉ định của người có thẩm quyền về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.



1. Nhà trường tổ chức xét nghiệm để phát hiện học sinh sử dụng trái phép chất ma túy. Bạn An không tham gia thì có vi phạm pháp luật không? Vì sao?

2. Theo em, các hành vi nào bị nghiêm cấm trong phòng, chống ma túy?



Theo em, cá nhân, gia đình cần phải làm gì để phòng, chống ma túy?

Hợp tác với cơ quan chức năng trong đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy; theo dõi, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

Cung cấp kịp thời thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy và việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xoá bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

2. Quy định tại một số văn bản khác

Bộ luật Hình sự⁽¹⁾ có Chương XX gồm 13 điều (từ Điều 247 đến Điều 259), quy định các tội phạm về ma túy.

Luật Xử lý vi phạm hành chính⁽²⁾ có Phần thứ ba gồm 5 chương, 30 điều (từ Điều 89 đến Điều 118), quy định về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với vi phạm hành chính nói chung và vi phạm hành chính về ma túy nói riêng, bao gồm: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nghị định số 167/2013/NĐ-CP⁽³⁾ có Điều 21 quy định hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống và kiểm soát ma túy.



Trong các tình huống sau có những hành vi nào vi phạm pháp luật? Vì sao?

1. Nhà bạn G ở trên núi, rất xa trạm y tế. Bố mẹ G trồng mấy cây thuốc phiện để làm thuốc uống khi nhà có người đau bụng.

2. Sáng nay, cô H được bác hàng xóm nhờ chuyển một gói hàng đã niêm phong cho một tài xế xe tải ở thị trấn. Vì vội đi làm nên cô cũng không hỏi là hàng gì. Mấy hôm sau, cô H thấy báo chí đưa tin công an vừa phát hiện một vụ vận chuyển trái phép chất ma túy, ảnh chụp tang vật chính là gói hàng bác hàng xóm đã nhờ cô chuyển cho tài xế xe tải.

II. TÁC HẠI CỦA MA TUÝ VÀ HÌNH THỨC, CON ĐƯỜNG GÂY NGHIỆN MA TUÝ

1. Tác hại của ma túy



Bạn A sinh ra trong một gia đình đông con, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Do mãi chơi nên bạn A đã bị đối tượng xấu rủ rê, lôi kéo sử dụng trái phép chất ma túy một số lần.

Theo em, nếu bạn A nghiện ma túy thì sẽ gây ra những tác hại gì cho bản thân, gia đình và xã hội?

a) Đối với người nghiện ma túy

– Gây tổn hại về sức khoẻ thể chất: Người nghiện ma túy dễ mắc một số bệnh về hệ tiêu hoá như chán ăn, buồn nôn, đau bụng, táo bón,...; bệnh về hệ hô hấp như viêm mũi,

⁽¹⁾ Luật số 100/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27-11-2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2018.

⁽²⁾ Luật số 15/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20-6-2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2013 và được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

⁽³⁾ Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ (ban hành ngày 12-11-2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 28-12-2013) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

viêm xoang, viêm đường hô hấp,...; bệnh về hệ tuần hoàn như loạn nhịp tim, tăng, giảm đột ngột huyết áp, nhiễm trùng máu (do dụng cụ tiêm chích thường không vô trùng),...; bệnh về da như ghẻ lở, hắc bào, viêm da (do sợ nước, rối loạn cảm giác da,...); bệnh về hệ thần kinh như tình trạng kích thích hoặc ức chế từng phần ở bán cầu đại não; bệnh về gan, thận như áp-xe gan, viêm gan, suy gan, suy thận,... có thể dẫn đến tử vong.

– Gây tổn hại về tinh thần: Người nghiện ma túy thường bị ảo giác, hoang tưởng, kích động, rối loạn về nhận thức, cảm xúc dẫn đến những hành động nguy hiểm cho bản thân, cộng đồng và những hành vi vi phạm đạo đức xã hội, pháp luật.

– Gây tổn hại về kinh tế, hạnh phúc gia đình: Người nghiện ma túy tiêu tốn tiền bạc, làm mất mát tài sản, thiệt hại kinh tế gia đình. Mặt khác, họ có xu hướng sống “khép kín, thu mình”, ngại tiếp xúc, hay cáu gắt, gây gổ và dễ có hành vi liều lĩnh, hung bạo, hành hạ người thân,... dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình.

b) Đối với nền kinh tế

– Lực lượng lao động của gia đình và xã hội bị suy giảm dẫn đến thu nhập quốc dân giảm, chi phí dự phòng và chăm sóc y tế tăng.

– Tổn thất ngân sách Nhà nước do phải chi trả cho công tác phòng, chống ma túy (tuyên truyền, vận động phá bỏ cây có chứa chất ma túy, tổ chức cai nghiện ma túy, tổ chức điều tra, truy tố, xét xử và giáo dục, cải tạo người phạm tội về ma túy,...) và đào tạo nhân lực thay thế những người nghiện ma túy đang ở độ tuổi lao động.

– Nguồn vốn đầu tư nước ngoài bị suy giảm do các đối tác không ưu tiên những quốc gia có tỉ lệ người nghiện ma túy cao.

c) Đối với an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

– Tình trạng xuất, nhập cảnh trái phép gia tăng gây mất an ninh biên giới; phát sinh tội phạm rửa tiền ảnh hưởng đến thực hiện chính sách kinh tế – xã hội của đất nước.

– Phát sinh một số loại tội phạm như trộm cắp, cướp giật tài sản, giết người; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, tổ chức sử dụng, chứa chấp người sử dụng trái phép chất ma túy,...

– Phát sinh tệ nạn xã hội và những vấn đề xã hội phức tạp khác như cờ bạc, mại dâm, đua xe trái phép, gây rối trật tự công cộng,...



Hình 3.3. Người sử dụng chất ma túy bị ảo giác trèo lên mái nhà



Hình 3.4. Phá bỏ cây cần sa



Hình 3.5. Các học viên tập thể dục tại một cơ sở cai nghiện ma túy



Hình 3.6. Lực lượng chức năng thu giữ chất ma túy vận chuyển trái phép

2. Hình thức, con đường gây nghiện ma túy

a) Quá trình nghiện ma túy



Em hãy quan sát hình 3.7 và cho biết: Quá trình nghiện ma túy gồm những giai đoạn nào?



Hình 3.7. Quá trình nghiện ma túy

Quá trình nghiện ma túy thường trải qua các giai đoạn: Sử dụng ma túy (sử dụng lần đầu tiên, sử dụng thỉnh thoảng, sử dụng thường xuyên); lạm dụng ma túy (sử dụng quá mức hoặc quá giới hạn đã được quy định); lệ thuộc ma túy.

Quá trình nghiện ma túy diễn ra nhanh hay chậm phụ thuộc vào các yếu tố như khả năng miễn cảm với ma túy và đặc điểm tâm sinh lý của người sử dụng; loại chất, hình thức, tần suất, liều lượng sử dụng ma túy,...

Học sinh nghiện ma túy thường có các biểu hiện: bị toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gật, da xanh tái, nổi da gà, buồn nôn, mất ngủ; trầm cảm, lo sợ, hoang tưởng, tính cách thay đổi thất thường dễ bị kích động; cất giấu chất ma túy hoặc dụng cụ sử dụng chất ma túy; trốn học, học lực giảm sút; quan hệ, tiếp xúc với những đối tượng xấu; chi tiêu tiền bạc hoang phí,...

b) Một số nguyên nhân dẫn tới nghiện ma túy

Hầu hết người bị nghiện ma túy là do thiếu hiểu biết về tác hại của ma túy; tò mò, thích chơi trội, thể hiện bản thân có lối sống buông thả, thực dụng, đua đòi, hưởng thụ; bản lĩnh kém, bị kẻ xấu dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc; lười lao động. Đây là nguyên nhân chủ quan mang tính chất quyết định dẫn tới con đường nghiện ma túy, dù chỉ sử dụng một lần nhưng vẫn có thể bị nghiện ma túy.

Người bị nghiện ma túy còn do công tác tuyên truyền về tác hại của ma túy chưa thực sự phát huy được tác dụng; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục phòng, chống ma túy chưa hiệu quả.



Theo em, nguyên nhân dẫn tới nghiện ma túy là gì? Nguyên nhân nào là chính?



1. K và Q là bạn thân. Một lần, K tình cờ xem quảng cáo trên internet về một số chất không phải ma túy (bóng cười, keo con chó,...) nhưng khi hít các chất này sẽ gây hưng phấn cười, kích thích thần kinh, tạo cảm giác vui vẻ, mê man,... K rủ Q mua về dùng thử, nếu thấy sắp bị nghiện thì dừng lại ngay.

Nếu em là bạn Q, em sẽ làm gì để ngăn cản bạn K?

2. Bạn em có những biểu hiện như ngáp vặt, ngủ gật, toát mồ hôi, học lực giảm sút,... thì có thể kết luận bạn em nghiện ma túy không? Vì sao?

III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ

1. Nghiêm túc thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh do nhà trường tổ chức.

2. Không vi phạm quy định về các hành vi bị nghiêm cấm tại Luật Phòng, chống ma túy.

3. Tích cực thực hiện các biện pháp ngăn chặn học sinh vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy do nhà trường phối hợp với gia đình, cơ quan và chính quyền địa phương tổ chức; tuyệt đối không sử dụng chất ma túy, dù chỉ một lần và dưới bất kì hình thức nào.

4. Tham gia xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể do nhà trường phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tổ chức.

5. Tích cực, chủ động tuyên truyền, vận động người thân, gia đình, cộng đồng nơi cư trú thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; chủ động phát hiện, tố giác người thân và những người xung quanh có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.



Em hãy nêu những việc học sinh cần làm và không được làm để phòng, chống ma túy.



Gia đình bạn T thuộc hộ nghèo. Lên lớp 10, T học ở trường cách xa nhà nên phải thuê nhà trọ. Đã mấy tháng nay T chưa trả tiền thuê nhà và tiền ăn cũng sắp hết. Đúng lúc này, H – một thanh niên T mới quen đề nghị trả tiền thuê nhà cả năm nếu T đồng ý mỗi tháng cho H mượn phòng trọ một giờ. T vội nhận lời ngay và cũng không hỏi H mượn phòng để làm gì. Một hôm đi học về, T thấy công an xã bắt quả tang H đang mua bán trái phép chất ma túy tại phòng trọ của mình.

Theo em, có những hành vi nào vi phạm pháp luật trong tình huống trên?



Em hãy xây dựng và trình bày trước lớp một trong hai nội dung sau:

1. Báo cáo về chủ đề: "Chúng em nói không với ma túy học đường".
2. Kế hoạch tuyên truyền, vận động mọi người ở cộng đồng nơi em ở về phòng, chống ma túy.



Năm 1987, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã quyết định lấy ngày 26-6 hằng năm là "Ngày quốc tế phòng chống ma túy" nhằm bày tỏ quyết tâm tăng cường các hành động và hợp tác để đạt mục tiêu không còn tình trạng lạm dụng ma túy trên toàn cầu. Ngày 13-6-2001, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Quyết định số 93/2001/QĐ-TTg hằng năm lấy tháng 6 là "Tháng hành động phòng, chống ma túy" và ngày 26-6 là "Ngày toàn dân phòng, chống ma túy".

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông;
- Tự giác tuân thủ quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông và tham gia giao thông an toàn, biết tuyên truyền, vận động mọi người chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.



Em hãy nêu nhận xét về một số hành vi trong hình 4.1 liên quan đến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.



a)



b)



c)



d)

Hình 4.1

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

1. Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông

Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là những quy phạm hành vi do Nhà nước ban hành mà mọi người dân buộc phải tuân theo, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội và bảo vệ trật tự xã hội trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông.



Em có thể di chuyển từ Thủ đô Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh bằng những phương tiện giao thông nào? Để bảo đảm an toàn giao thông, em cần làm gì?

2. Một số quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ⁽¹⁾

a) Một số hành vi bị nghiêm cấm (theo Điều 8)

– Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện mà trong cơ thể có chất ma túy, trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

– Đua xe, cò vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định, chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu, bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư.

– Lắp đặt, sử dụng còi, đèn không đúng thiết kế của nhà sản xuất đối với từng loại xe cơ giới; sử dụng thiết bị âm thanh gây mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

– Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm; khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông.

b) Quy tắc chung (theo Điều 9)

Người tham gia giao thông phải đi về phía bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

c) Chấp hành báo hiệu đường bộ (theo Điều 11)

Khi đồng thời bố trí các hình thức báo hiệu có ý nghĩa khác nhau cùng ở một khu vực, người tham gia giao thông phải chấp hành theo thứ tự như sau:

- Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông;
- Hiệu lệnh của đèn tín hiệu;
- Hiệu lệnh của biển báo hiệu;
- Hiệu lệnh của vạch kẻ đường và các dấu hiệu

khác trên mặt đường.

Tại nơi có hoặc không có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

d) Vượt xe và rẽ phải, rẽ trái (theo Điều 14 và Điều 15)

Khi vượt xe, xe xin vượt phải có tín hiệu xin vượt và bảo đảm các điều kiện an toàn. Xe bị vượt phải giảm tốc độ và nhường đường. Khi vượt, các xe phải vượt về bên trái xe bị vượt, trừ trường hợp được phép vượt phải theo quy định.



Bạn An điều khiển xe đạp đến ngã tư thì đèn đỏ bật sáng, cô cảnh sát giao thông ra hiệu lệnh cho phép đi nhưng An lưỡng lự. Em hãy tư vấn cho bạn An.



Hệ thống báo hiệu đường bộ, bao gồm: hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, tín hiệu đèn giao thông, chiếu sáng, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, tường bảo vệ và rào chắn, cột kilômét, cọc H, mốc lộ giới, gương cầu lồi, dải phân cách và các thiết bị an toàn giao thông khác⁽²⁾.

⁽¹⁾ Theo Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 13-11-2008 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2009)

⁽²⁾ Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ (mã số QCVN41: 2019/BGTVT) ban hành tại Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31-12-2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Khi rẽ phải, rẽ trái, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ, nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ, cho các xe đi ngược chiều. Chỉ cho xe rẽ khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác.

e) Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp (theo Điều 30 và Điều 31)

Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người: chở người bệnh đi cấp cứu; áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật; trẻ em dưới 14 tuổi. Người điều khiển xe đạp chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 7 tuổi thì được chở tối đa hai người.

Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp không được thực hiện các hành vi sau đây: đi xe dàn hàng ngang; đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác; sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính; sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh; buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh; hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây: mang, vác vật cồng kềnh; sử dụng ô, bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác; đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

g) Người đi bộ (theo Điều 32)

Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường; trường hợp đường không có hè phố, lề đường thì người đi bộ phải đi sát mép đường.

Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn. Trường hợp không có đường dành riêng cho người đi bộ qua đường thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn.

Người đi bộ không được vượt qua dải phân cách, không đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường đô thị, đường thường xuyên có xe cơ giới qua lại phải có người lớn dắt.



Bạn Minh đang học lớp 10, có em gái đang học lớp mẫu giáo lớn. Mỗi sáng đi học, Minh thường dắt em đi một đoạn khá xa tới chỗ có vạch kẻ sơn để qua đường. Sáng nay, do dậy muộn, anh em Minh đi tắt đến trường bằng cách trèo qua dải phân cách rồi qua đường. Em sẽ nói gì với Minh và em gái Minh?

3. Một số quy định về trật tự, an toàn giao thông đường sắt⁽¹⁾

Một số hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt (theo Điều 9):

– Lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt; tự mở lối đi qua đường sắt; làm sai lệch công trình, hệ thống báo hiệu trên đường sắt; làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt.

– Vượt rào, vượt chắn đường ngang, vượt qua đường ngang khi có tín hiệu cấm; vượt rào ngăn giữa đường sắt với khu vực xung quanh.

– Xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt; để vật chướng ngại, đồ chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt; để chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

– Chấn thả súc vật, họp chợ trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt; ném đất, đá hoặc vật khác lên tàu hoặc từ trên tàu xuống.

– Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên đường sắt; đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy; mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu, tay, chân và vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang thi hành nhiệm vụ.



Tan học, Hùng và Hưng rủ nhau đi chơi ở đường tàu hỏa, tiện đi tắt về nhà qua lối đi tự mở cắt ngang đường tàu. Hai bạn thì đi bộ trên đường ray, sau đó chụp ảnh rồi ngồi chơi cò gà. Nghe tiếng còi tàu hỏa, Hùng lấy đá xếp lên đường ray để xem đá bị nghiền nát khi tàu chạy qua, Hưng nhổ mấy cây hoa để tung lên tàu chào hành khách. Em hãy phân tích những hành vi vi phạm Luật Đường sắt trong tình huống trên.

4. Một số quy định về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa⁽²⁾



Theo em, khi đi trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông có thể xảy ra những tai nạn gì? Để phòng, chống những tai nạn đó, người lái phương tiện và hành khách cần phải làm gì?

a) Trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện vận tải hành khách ngang sông

Trang bị áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện bảo đảm đầy đủ về số lượng và phù hợp với tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

⁽¹⁾ Theo Luật Đường sắt (Luật số 06/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 16-6-2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2018).

⁽²⁾ Theo Luật Giao thông đường thủy nội địa (Luật số 23/2004/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 15-6-2004, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2014) và Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10-5-2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Trước khi cho phương tiện rời bến phát cho mỗi hành khách một áo phao cứu sinh hoặc một dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân; hướng dẫn và yêu cầu hành khách mặc áo phao cứu sinh hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trong suốt hành trình.

Từ chối chuyên chở đối với những hành khách không tuân thủ việc mặc áo phao cứu sinh hoặc không sử dụng dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân theo hướng dẫn.

Chỉ được cho phương tiện rời bến khi hành khách đã ngồi ổn định, hàng hóa, hành lý, xe máy, xe đạp đã xếp gọn gàng và sau khi đã kiểm tra phương tiện không chìm quá vạch dầu môn nước an toàn.

b) Trách nhiệm của hành khách khi đi trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông

Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện trong việc thực hiện quy định về mặc áo phao cứu sinh hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trong suốt hành trình.

Chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do việc không tuân thủ các quy định, hướng dẫn về mặc áo phao cứu sinh hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân.



Lên lớp 10, bạn Sóng phải đi đò sang sông để đến trường và về nhà. Một ngày đầu, Sóng đều mặc áo phao do bác lái đò đưa cho và ngồi im ở giữa thuyền. Một ngày sau, Sóng cầm áo phao ở tay và chỉ mặc khi bác lái đò nhắc thuyền sắp đi qua vùng nước xoáy. Gần đây, Sóng không mặc áo phao nữa, thỉnh thoảng còn đứng ở mũi thuyền. Bác lái đò thấy Sóng đã quen đi đò nên cũng không nhắc nữa.

Em sẽ làm gì để giúp bác lái đò và bạn Sóng thực hiện đúng quy định khi đi đò?

II. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG



Theo em, thế nào là vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông? Học sinh cần làm gì để góp phần phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông?

1. Vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông

Vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật về trật tự, an toàn giao thông bảo vệ.

2. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông

Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông là quá trình các lực lượng, các cấp, các ngành tổ chức, phối hợp bằng nhiều hình thức, biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, điều tra, đấu tranh với những hành vi phạm tội và các hành vi vi phạm pháp luật khác về trật tự, an toàn giao thông, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội.

3. Trách nhiệm của học sinh

Tích cực, chủ động học tập và tự giác, gương mẫu tuân thủ quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

Tích cực tham gia việc tuyên truyền, phổ biến và vận động người thân, học sinh và cộng đồng nơi sinh sống thực hiện pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

Giúp đỡ người khác tham gia giao thông an toàn, đúng quy định pháp luật đồng thời phát hiện, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.



1. Em hãy nhận xét về hai cách qua đường sau của một nhóm học sinh:

- Chọn chỗ ngắn nhất, đợi khi vắng xe ô tô thì chạy thật nhanh qua đường.
- Nắm tay nhau thành một hàng ngang rồi qua đường.

2. Em hãy cho biết: những hành vi nào ở các hình 4.2a, b, c, d, e, g vi phạm pháp luật và có thể gây ra những hậu quả gì? Nguyên nhân những vi phạm đó là gì?



a)



b)



c)



d)



e)



g)

Hình 4.2



Em hãy xây dựng và trình bày trước lớp một trong hai nội dung sau:

- Thư gửi gia đình em về chủ đề “An toàn giao thông – Hạnh phúc của mọi nhà”.
- Nội quy tham gia giao thông (áp dụng cho học sinh trường em đang học) và kế hoạch tuyên truyền, vận động để mọi người thực hiện nội quy này.



Khi tham gia giao thông đường hàng không tại Việt Nam, hành khách cần tuân thủ quy định tại Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (Luật số 66/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29-6-2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2007 và được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nêu được tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;
- Nêu được nghĩa vụ của công dân trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;
- Nêu được trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và lực lượng vũ trang trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội;
- Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.



Em hãy quan sát các hoạt động ở hình 5.1 và nêu một số hoạt động tương tự.



a) Tuyên truyền về phòng, chống bạo lực học đường



b) Kiểm tra cột mốc biên giới quốc gia



c) Dọn vệ sinh bờ biển



d) Tuyên truyền về chất thải nhựa và nilon

Hình 5.1

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. An ninh quốc gia

An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.



1. An ninh quốc gia là gì?
2. Bảo vệ an ninh quốc gia là gì?
Gồm các lĩnh vực nào?

2. Bảo vệ an ninh quốc gia

Bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và loại trừ nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia.

Bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm: bảo vệ an ninh chính trị; bảo vệ an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh quốc phòng, an ninh tư tưởng – văn hoá, an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo, an ninh biên giới, an ninh xã hội, an ninh đối ngoại.

3. Trật tự, an toàn xã hội

Trật tự, an toàn xã hội là trạng thái xã hội bình yên, trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lí xác định.

4. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.

Các hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn xã hội gồm: đấu tranh phòng, chống tội phạm về trật tự, an toàn xã hội; giữ gìn trật tự nơi công cộng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn lao động và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; bài trừ các tệ nạn xã hội; bảo vệ môi trường.



1. Em hiểu thế nào là một xã hội trật tự, an toàn?

2. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là gì? Gồm những hoạt động nào?

II. TÌNH HÌNH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Tình hình bảo vệ an ninh quốc gia



1. Em hãy quan sát các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia ở hình 5.2 và kể thêm một số hoạt động tương tự.

2. Em hãy nêu một số nét chính tình hình bảo vệ an ninh quốc gia trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.



a) Cảnh sát biển tổ chức huấn luyện bắn đạn thật trên biển (2018)



b) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021)



c) Ra quân bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong Hội nghị Thượng đỉnh Hoa Kỳ – Triều Tiên (2019)

Hình 5.2

Dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang cùng toàn dân đã từng bước làm thất bại âm mưu chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, phản động, góp phần bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh các vùng chiến lược, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng – văn hoá, an ninh xã hội, an ninh đối ngoại, an ninh con người; quyền con người, quyền và lợi ích chính đáng của công dân được tôn trọng và bảo đảm thực hiện; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước.

Lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật; chủ động tiến hành từ sớm, từ xa, từ địa bàn cơ sở để nắm tình hình, xây dựng phương án, kế hoạch bảo vệ an ninh quốc gia; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm, các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia.

Tình hình thế giới và trong nước đặt ra những nguy cơ, thách thức đối với công tác bảo vệ an ninh quốc gia như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố,... đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Tình hình bảo đảm trật tự, an toàn xã hội



1. Theo em, có những hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nào ở hình 5.3?

2. Em hãy nêu một số nét chính về tình hình bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.



Các hoạt động từ thiện như “Phát gạo tự động miễn phí”, “Siêu thị 0 đồng”,... có ý nghĩa như thế nào trong bảo vệ an ninh quốc gia? Em hãy nêu một số hoạt động từ thiện khác tương tự.



a)



b)



c)

Hình 5.3

Các lực lượng chức năng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và được sự ủng hộ của nhân dân đã thực hiện tốt công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh trấn áp kịp thời các loại tội phạm; điều tra, làm rõ các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, cháy nổ, bài trừ tệ nạn xã hội được chú trọng; tai nạn và ùn tắc giao thông được giảm thiểu; các hành vi vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm minh; trật tự, kỷ cương xã hội được duy trì.

Công an nhân dân phối hợp với các cơ quan, tổ chức vận động nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác về trật tự, an toàn xã hội.

III. TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và lực lượng vũ trang

Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt, Nhà nước quản lý tập trung, thống nhất công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

 Đảng, Nhà nước và lực lượng vũ trang có trách nhiệm gì trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội?

Quốc hội quyết định các vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia, ban hành Hiến pháp, luật, nghị quyết trong đó có nội dung liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Chính phủ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và thống nhất quản lý về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tổ chức, chỉ đạo bộ máy Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý, điều hành, đôn đốc các cơ quan có chức năng trực tiếp tiến hành bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, nhân dân địa phương trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, huy động sức mạnh của cơ quan, tổ chức để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ và nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của công dân, học sinh

a) Trách nhiệm của công dân

– Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương nơi công tác, học tập, cư trú về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

– Phối hợp, cộng tác với lực lượng Công an nhân dân trong phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

– Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động vi phạm pháp luật xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội cho cơ quan có thẩm quyền.

– Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Trách nhiệm của học sinh

Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm của công dân về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tham gia học tập đầy đủ các nội dung giáo dục về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong cơ sở giáo dục phổ thông; gương mẫu thực hiện nội quy nhà trường và quy tắc sinh hoạt ở cộng đồng, nơi công cộng; thực hiện phòng, chống bạo lực học đường theo hướng dẫn của nhà trường; tham gia tuyên truyền pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội do nhà trường, cộng đồng tổ chức; phát hiện, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của người thân, bạn bè và những người xung quanh.



Theo em, trách nhiệm của công dân, trách nhiệm của học sinh trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là gì?



Hoa và Hồng là bạn thân, cùng sinh ra, lớn lên ở tỉnh H thuộc vùng biên giới. Học hết lớp 6, Hoa theo gia đình định cư ở nước ngoài. Hiện nay, tỉnh H đang chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Em hãy đóng vai bạn Hồng viết thư kể cho bạn Hoa về những hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội của cộng đồng trong bối cảnh sống chung với dịch bệnh Covid-19.



Em hãy trình bày trước lớp kế hoạch “Tìm hiểu về các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nơi em ở”.

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nêu được một số khái niệm cơ bản về mạng, an ninh mạng; bảo mật thông tin cá nhân trên môi trường không gian mạng; nội dung cơ bản của Luật An ninh mạng;
- Bảo mật được thông tin cá nhân, cảnh giác trước những thủ đoạn xâm nhập, phát tán mã độc, thông tin giả trên mạng.



Vì muốn trêu đùa bạn bè cùng lớp nhân ngày Cá tháng Tư, Kiên định vào mạng internet tải văn bản cho phép học sinh nghỉ học từ năm học trước để phòng dịch Covid-19, sau đó sẽ sửa thời gian ban hành để học sinh được nghỉ học trong những ngày sắp tới và đăng lên mạng xã hội.

Theo em, trò đùa của bạn Kiên nếu thực hiện có vi phạm pháp luật không? Vì sao?

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MẠNG, AN NINH MẠNG



Bạn An nêu: "Mạng là hệ thống các máy tính được nối kết với nhau qua đường truyền tin để có thể trao đổi và dùng chung chương trình dữ liệu. An ninh mạng là bảo đảm cho mạng luôn trật tự, an toàn, không rối loạn".

Em có đồng ý với bạn An không? Vì sao?

1. Mạng

Mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua mạng viễn thông và mạng máy tính⁽¹⁾.

2. Không gian mạng

Không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian⁽²⁾.



Hình 6.1. Không gian mạng

⁽¹⁾ Theo Luật An toàn thông tin mạng (Luật số 86/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19-11-2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2016).

⁽²⁾ Theo Luật An ninh mạng (Luật số 24/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 12-6-2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2019).

3. An ninh mạng

An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân⁽¹⁾.



1. Trường hợp nào sau đây được xác định là không gian mạng?

- a) Các máy tính trong một phòng học tin học được kết nối với máy chủ.
- b) Một máy tính độc lập kết nối với máy in và máy chiếu.
- c) Một máy tính kết nối với một điện thoại thông minh có kết nối internet.

2. Website của một hãng hàng không của Việt Nam có đường bay đến nhiều nước trên thế giới bị tin tặc tấn công làm thay đổi giao diện, dữ liệu của hành khách đi máy bay bị thu thập, phát tán; thông tin của hãng bị xuyên tạc.

Theo em, sự việc trên có ảnh hưởng đến an ninh mạng không? Vì sao?

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT AN NINH MẠNG

Luật An ninh mạng gồm 7 chương, 43 điều quy định về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; trong đó có một số nội dung sau:

1. Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng

a) Sử dụng không gian mạng để:

– Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

– Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

– Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng các nội dung tuyên truyền chống

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; bịa đặt, thông tin sai sự thật gây hoang mang trong nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế – xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư;



Theo em, những hành vi nào bị nghiêm cấm về an ninh mạng?



Hình 6.2. Ngày 12-6-2018, Quốc hội biểu quyết thông qua Luật An ninh mạng

⁽¹⁾ Theo Luật An ninh mạng.

– Thực hiện các hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

– Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc qua mạng internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng;

– Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán; tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật;

– Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội hoặc hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

b) Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

c) Phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.



Các hành vi nào trong các tình huống sau bị nghiêm cấm về an ninh mạng? Các hành vi đó gây ra hậu quả gì?

1. Do thích phiêu lưu, mạo hiểm, Hưng xâm nhập vào một tài khoản trên trang mạng xã hội và thay ảnh đại diện bằng hình ảnh một thành viên của tổ chức khủng bố. Sau đó, Hưng soạn nội dung kích động và chia sẻ lên dòng trạng thái của tài khoản đó.

2. Bạn Phương tải về máy tính một trò chơi trực tuyến và tổ chức cho một nhóm bạn cùng chơi. Trò chơi này thực hiện bằng cách dùng thẻ cào điện thoại để mua tiền ảo, khi thắng cuộc được đổi từ tiền ảo sang tiền thật.

2. Quyền của trẻ em trên không gian mạng

Trẻ em có quyền được bảo vệ, tiếp cận thông tin, tham gia hoạt động xã hội, vui chơi, giải trí, giữ kín bí mật cá nhân, đời sống riêng tư và các quyền khác khi tham gia trên không gian mạng.



Theo em, trẻ em được hưởng lợi và được làm những gì trên không gian mạng?

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng

- Tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh mạng.
- Kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến bảo vệ an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng cho cơ quan có thẩm quyền, lực lượng bảo vệ an ninh mạng.

- Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong bảo vệ an ninh mạng; giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

- Thực hiện Quy tắc ứng xử chung áp dụng cho các hành vi của các tổ chức, cá nhân trên mạng xã hội⁽¹⁾ được trình bày ở sơ đồ 6.1.



Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng là gì?



Sơ đồ 6.1. Quy tắc ứng xử chung trên mạng xã hội



Là học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo vệ an ninh mạng?

III. BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG



Theo em, thông tin cá nhân gồm những gì? Việc chia sẻ thông tin cá nhân trên không gian mạng có an toàn không? Vì sao?

1. Thông tin cá nhân

Thông tin cá nhân là thông tin đủ để xác định chính xác danh tính của một cá nhân, bao gồm ít nhất một nội dung trong những thông tin sau đây: họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức danh, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân, số hộ chiếu. Những thông tin thuộc bí mật cá nhân gồm có: hồ sơ y tế, hồ sơ nộp thuế, số thẻ bảo hiểm xã hội, số thẻ tín dụng và những bí mật cá nhân khác.

⁽¹⁾ Theo Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17-6-2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Một số biện pháp bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng

– Hạn chế chia sẻ thông tin cá nhân trên không gian mạng; cảnh giác với các thủ đoạn xâm nhập, bí mật theo dõi hoặc chiếm đoạt thông tin cá nhân như sử dụng các phần mềm gián điệp, phát tán mã độc, giả mạo qua các thư điện tử, trang điện tử, tài khoản mạng xã hội,...

– Nâng cấp, cập nhật các phần mềm, hệ điều hành thường xuyên; sử dụng phần mềm chống virus có bản quyền và uy tín; dùng và truy cập trang web có giao thức “https”; kiểm tra địa chỉ web trên trình duyệt; kiểm tra lỗi chính tả trên website; kiểm tra, xác minh trước khi tải, mở các thư điện tử, tập tin, đường dẫn liên kết,...

– Đặt mật khẩu cá nhân có cấu trúc phức tạp (sử dụng nhiều kí tự trong đó kết hợp kí tự chữ, số và kí tự đặc biệt); sử dụng xác thực hai yếu tố cho mật khẩu (ngoài mật khẩu cần kèm theo yếu tố khác để xác thực như trả lời câu hỏi bảo mật, mã bảo mật gửi đến số điện thoại, dấu vân tay,...);

– Đăng xuất tài khoản khi đã dùng xong; không sử dụng mạng wifi công cộng để đăng nhập các tài khoản, giao dịch cần bảo mật (nếu sử dụng phải thực hiện mã hoá dữ liệu).



Ransomware là một dạng phần mềm độc hại chuyên mã hoá dữ liệu hoặc khoá quyền truy cập thiết bị của người dùng. Để được trả lại quyền truy cập thiết bị hoặc dữ liệu, người dùng phải trả cho tin tặc một khoản tiền (tiền chuộc). Máy tính sẽ có nguy cơ bị nhiễm mã độc tống tiền khi người dùng có một trong các thao tác sau: sử dụng các phần mềm bẻ khoá không rõ nguồn gốc, tải các file đính kèm trong email, truy cập website giả mạo hoặc có quảng cáo chứa mã độc tống tiền,...



1. Em đã làm gì để bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng?
2. Bác Thanh nhờ em tạo tài khoản mạng xã hội với mật khẩu là ngày sinh của bác Thanh cho dễ nhớ. Em sẽ giải quyết như thế nào?
3. Trong một số hoạt động sau đây, hoạt động nào **không** dùng để bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng? Vì sao?
 - a) Đặt mật khẩu cá nhân mạnh.
 - b) Dùng mạng wifi công cộng để giao dịch tài chính với thẻ tín dụng.
 - c) Đăng xuất tài khoản khi đã dùng xong.
 - d) Dùng trang web có giao thức “https”.
 - e) Sử dụng phần mềm chống virus.
 - f) Kiểm tra, xác minh trước khi mở các thư điện tử.
 - g) Kiểm tra địa chỉ web trên trình duyệt.
 - h) Kiểm tra lỗi chính tả trên website.
 - i) Kiểm tra lỗi chính tả trên website.



Em hãy trình bày trước lớp một trong hai chủ đề sau:

1. Lợi ích và một số mối nguy hại trên không gian mạng đối với trẻ em.
2. Những điều học sinh cần biết về an ninh mạng.

BÀI 1

MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI VÀ ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nêu được một số nội dung chính trong Điều lệnh quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân;
- Biết vận dụng những kiến thức được học vào cuộc sống.



Sau một ngày tham quan doanh trại quân đội, bạn An đã viết mở đầu trong nhật kí: "Trải nghiệm hôm nay thật tuyệt vời! Phải ghi lại và chia sẻ những hoạt động trong ngày của các chiến sĩ với các bạn trong lớp để cùng nhau rèn luyện theo nền nếp quân đội".

Theo em, An sẽ viết tiếp những gì?

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI

1. Chức trách quân nhân

– Thực hiện đúng 10 lời thề danh dự và 12 điều kỉ luật khi quan hệ với nhân dân. Luôn rèn luyện ý chí chiến đấu, khắc phục mọi khó khăn, không sợ hi sinh, gian khổ, quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

– Tuyệt đối phục tùng lãnh đạo, chỉ huy, chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên và điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội.

– Tích cực học tập chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học kĩ thuật và pháp luật để không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực. Rèn luyện thể lực, tác phong chiến đấu và công tác, sử dụng thành thạo vũ khí, khí tài và các phương tiện kĩ thuật được trang bị.

– Giữ gìn đoàn kết nội bộ, đề cao tự phê bình và phê bình, trung thực, bình đẳng, thương yêu, tôn trọng, bảo vệ, giúp đỡ lẫn nhau lúc bình thường cũng như khi chiến đấu.

– Giữ gìn vũ khí, trang bị, tài sản của quân đội, bảo vệ và tiết kiệm của công, không tham ô, lãng phí.



Bạn Dũng có ông nội là cựu chiến binh. Nhân ngày 22-12, lớp em đến thăm ông. Ông hỏi ở lớp có người thân của cháu nào là quân nhân không. Chúng em trả lời có anh trai bạn Việt là chiến sĩ Phòng không – Không quân, anh trai bạn Hoa là chiến sĩ Hải quân, mẹ bạn Hùng là bác sĩ quân y. Ông nói cả ông và người thân của các bạn tuy làm những nhiệm vụ khác nhau trong quân đội nhưng đều phải thực hiện theo 10 lời thề và chức trách quân nhân.

Theo em, chức trách quân nhân bao gồm những gì?

- Tuyệt đối giữ bí mật của Nhà nước và quân đội, đề cao cảnh giác cách mạng. Nếu bị địch bắt quyết một lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng, không phản bội, xưng khai.
- Đoàn kết, bảo vệ và giúp đỡ nhân dân; tôn trọng lợi ích chính đáng và phong tục tập quán của nhân dân; tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, quy tắc sinh hoạt xã hội; bảo vệ cơ quan Đảng và Nhà nước; cùng với nhân dân và chính quyền địa phương giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.
- Nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, vì hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Chấp hành đúng chính sách đối với tù binh, hàng binh, tích cực tiến hành công tác tuyên truyền đặc biệt.

2. Chào, xưng hô



Em hãy quan sát hình 1.1 và cho biết sự khác nhau trong cách chào, xưng hô của quân nhân trong từng trường hợp.



Hình 1.1. Cách chào và xưng hô của quân nhân

- Quân nhân khi gặp nhau phải chào; cấp dưới phải chào cấp trên trước; người được chào phải chào lại.
- Quân nhân gọi nhau bằng “đồng chí” và xưng “tôi”, sau tiếng “đồng chí” có thể gọi tiếp cấp bậc, chức vụ, họ tên người mà mình tiếp xúc. Đối với cấp trên có thể gọi là “thủ trưởng”; nghe gọi đến tên, quân nhân phải trả lời “có”. Khi nhận lệnh hoặc trao đổi công việc xong, quân nhân phải nói “rõ”, nếu chưa rõ phải hỏi lại.
- Trong lúc nghỉ ngơi, quân nhân có thể xưng hô với nhau theo tập quán thông thường.

3. Chế độ làm việc và sinh hoạt trong ngày của quân nhân



Em hãy quan sát hình 1.2 và hoàn thành bảng 1.1 bằng cách ghi các kí hiệu hoạt động phù hợp.

Bảng 1.1

Thứ tự theo thời gian	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kí hiệu hoạt động	M	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?
											
A	B	C	D								
											
E	G	H	I								
											
K	L	M	N								

Hình 1.2. Một số hình ảnh làm việc và sinh hoạt trong ngày của quân nhân

Trong điều kiện bình thường, chế độ làm việc, sinh hoạt trong ngày của quân nhân gồm:

- Thức dậy
- Kiểm tra sáng
- Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị
- Đọc báo, nghe tin
- Thể dục sáng
- Học tập
- Điểm danh, điểm quân số
- Treo Quốc kì
- Ăn uống
- Thể thao, tăng gia sản xuất
- Ngủ nghỉ

4. Trang phục của quân nhân



Quân nhân có những trang phục nào?

Trang phục của quân nhân gồm: trang phục dự lễ, trang phục thường dùng, trang phục dã chiến, trang phục nghiệp vụ, trang phục công tác. Quân nhân mặc trang phục từng mùa theo quy định.



a) Mùa hè



b) Mùa đông

Hình 1.3. Trang phục thường dùng của Lục quân

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN



Bạn Chiến đang học lớp 10, có anh trai tên là Quyết trúng tuyển vào một trường cao đẳng cảnh sát nhân dân. Một hôm, anh Quyết đọc qua điện thoại 5 lời thề danh dự của Công an nhân dân Việt Nam cho Chiến nghe. Anh Quyết còn nói: *"Không phải chỉ có 5 lời thề danh dự mà còn nhiều điều nữa trong điều lệnh như 10 điều kỉ luật, chức trách, cách chào, xưng hô,... của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân. Anh sẽ kể trong email để em hiểu rõ nhé"*. Theo em, nội dung anh Quyết sẽ viết trong email là gì?

1. Chức trách của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân

Thực hiện nghiêm túc 5 lời thề danh dự, 10 điều kỉ luật của Công an Nhân dân Việt Nam; thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện theo 6 điều Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy Công an nhân dân; gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ trưởng Bộ Công an và của địa phương nơi cư trú.

Chấp hành nghiêm chỉnh sự lãnh đạo, chỉ đạo, chương trình, kế hoạch công tác; thực hiện đúng quy chế làm việc, quy trình công tác, điều lệnh Công an nhân dân, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học; rèn luyện thể lực, tác phong công tác, kĩ năng sử dụng các loại phương tiện, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và kĩ thuật, chiến thuật quân sự, võ thuật.

Giữ gìn đoàn kết, thực hiện tự phê bình và phê bình, trung thực, thẳng thắn, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ đồng chí, đồng đội cùng tiến bộ.

Đề cao cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn hoạt động diễn biến hoà bình, chống phá của các thế lực thù địch, phản động và các loại tội phạm; bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước và của Công an nhân dân.

Nêu cao ý thức trách nhiệm vì nhân dân phục vụ, kính trọng, lễ phép với nhân dân, bảo vệ, giúp đỡ và lắng nghe ý kiến của nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.



Tư cách người công an cách mệnh là:

Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo.

(Trích thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng chí Hoàng Mai, tháng 3-1948)

2. Chào, xưng hô



Em hãy quan sát hình 1.4 và đóng vai cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện chào, xưng hô với đồng đội, cấp trên và nhân dân.

– Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân khi gặp nhau phải chào; cấp dưới phải chào cấp trên trước; người được chào phải chào lại.

– Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân xưng hô với nhau bằng “đồng chí” và “tôi”, sau tiếng “đồng chí” có thể gọi cấp bậc, họ tên, chức vụ của người mình tiếp xúc; đối với cấp trên có thể gọi là “thủ trưởng”; khi nghe gọi tên mình thì trả lời “có”, nhận lệnh hoặc trao đổi xong công việc thì trả lời “rõ”, nếu chưa rõ phải hỏi lại.

– Khi làm việc và quan hệ công tác với cán bộ và nhân dân tùy từng trường hợp có thể gọi bằng “đồng chí” và xưng “tôi”; hoặc tùy theo lứa tuổi để xưng hô sao cho phù hợp với phong tục, truyền thống văn hoá Việt Nam.



Hình 1.4. Cách chào và xưng hô của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân

3. Trang phục của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân



Trang phục của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân gồm những loại nào?

Trang phục của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân gồm: lễ phục xuân hè, lễ phục thu đông, trang phục thường dùng xuân hè, trang phục thường dùng thu đông, trang phục chuyên dùng. Trang phục của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân phải được sử dụng đúng mục đích theo quy định.



a) Xuân hè

b) Thu đông

Hình 1.6. Trang phục thường dùng của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân



1. Em hãy nêu một số điểm giống nhau về chức trách của quân nhân và cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

2. Em hãy viết thư cho một người bạn chia sẻ suy nghĩ của mình đối với quy định về cách chào, xưng hô, trang phục của quân nhân và cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.



Vận dụng quy định về chế độ làm việc, sinh hoạt trong ngày của quân nhân, em hãy xây dựng và trình bày trước lớp thời khoá biểu sinh hoạt, học tập trong ngày của bản thân.

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nêu được các động tác đội ngũ từng người không có súng.
- Thực hiện được một số động tác điều lệnh đội ngũ cá nhân chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.



Em hãy quan sát hình 2.1 và nêu các động tác được các chiến sĩ thực hiện trong hình. Em đã thực hiện các động tác tương tự trong những hoạt động tập thể nào của nhà trường?



Hình 2.1. Lễ Thượng cờ tại Quảng trường Ba Đình

I. ĐỘNG TÁC NGHIÊM, NGHỈ; QUAY TẠI CHỖ; CHÀO, THÔI CHÀO



Em hãy kể một số hoạt động ở trường mà em sử dụng các động tác nghiêm, nghỉ; quay tại chỗ; chào, thôi chào.

1. Động tác nghiêm, nghỉ

a) Động tác nghiêm

Ý nghĩa: Động tác nghiêm để rèn luyện tác phong nghiêm túc, tư thế hùng mạnh, khấn trương và đức tính bình tĩnh, nhẫn nại, đồng thời rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, thống nhất và tập trung, sẵn sàng nhận mệnh lệnh. Đứng nghiêm là động tác cơ bản làm cơ sở cho các động tác khác.

Các bước thực hiện:



Hình 2.2. Động tác nghiêm



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

– Khẩu lệnh: “*Nghiêm*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Nghiêm*”, hai gót chân đặt sát nhau nằm trên một đường ngang thẳng, hai bàn chân mở rộng 45° tính từ mép trong hai bàn chân (bằng $\frac{2}{3}$ bàn chân đặt ngang), hai đầu gối thẳng, sức nặng toàn thân dồn đều vào hai chân, ngực nở, bụng hơi thót lại, hai vai thẳng bằng, hai tay buông thẳng, năm ngón tay khép lại cong tự nhiên, đầu ngón tay cái đặt vào giữa đốt thứ nhất và đốt thứ hai của ngón tay trỏ, đầu ngón tay giữa đặt theo đường chỉ quần, đầu ngay, miệng ngậm, cằm hơi thu về sau, mắt nhìn thẳng.

Chú ý: Người không động đậy, không lệch vai, nét mặt tươi vui, nghiêm túc.

b) Động tác nghỉ

Ý nghĩa: Động tác nghỉ để khi đứng trong đội hình đỡ mỏi mà vẫn giữ được tư thế, hàng ngũ nghiêm chỉnh và tập trung sức chú ý.

Các bước thực hiện:



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

– Khẩu lệnh: “*Nghỉ*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

– Động tác:

+ Động tác nghỉ cơ bản (hình 2.3a): Khi nghe dứt động lệnh “*Nghỉ*”, đầu gối trái hơi chùng, sức nặng toàn thân dồn vào chân phải, thân trên và hai tay vẫn giữ như khi đứng nghiêm. Khi mỏi đổi chân, trở về tư thế đứng nghiêm rồi chuyển sang đầu gối phải hơi chùng, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái.

+ Động tác nghỉ hai chân mở rộng bằng vai (hình 2.3b, c): Áp dụng khi tập thể dục, thể thao và khi đứng trên tàu hải quân.

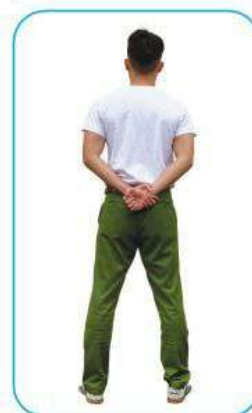
Khi nghe dứt động lệnh “*Nghỉ*”, chân trái đưa sang bên trái một bước rộng bằng vai (tính từ mép ngoài của hai bàn chân), gối thẳng tự nhiên, thân trên vẫn giữ thẳng như khi đứng nghiêm, sức nặng toàn thân dồn đều vào hai chân, đồng thời hai tay đưa về sau lưng, tay trái nắm cổ tay phải, bàn tay phải nắm tự nhiên, lòng bàn tay hướng về sau. Khi mỏi, đổi tay phải nắm cổ tay trái.



a)



b)



c)

Hình 2.3. Động tác nghỉ

2. Động tác quay tại chỗ

Ý nghĩa: Động tác quay tại chỗ để đổi hướng nhanh chóng, chính xác mà vẫn giữ được vị trí đứng, duy trì trật tự đội hình.

Các bước thực hiện:



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

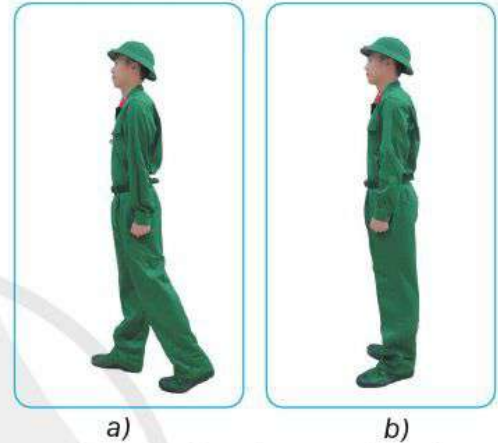
a) Quay bên phải

– Khẩu lệnh: “*Bên phải – Quay*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Bên phải*” là dự lệnh, “*Quay*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Quay*”, thực hiện hai cử động:

+ Cử động 1: Thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai gối thẳng tự nhiên, lấy gót chân phải và mũi bàn chân trái làm trụ, phối hợp với đà xoay của người, quay toàn thân sang phải 90° , sức nặng toàn thân dồn vào chân phải (hình 2.4a)

+ Cử động 2: Chân trái đưa lên thành tư thế đứng nghiêm (hình 2.4b).



Hình 2.4. Động tác quay bên phải

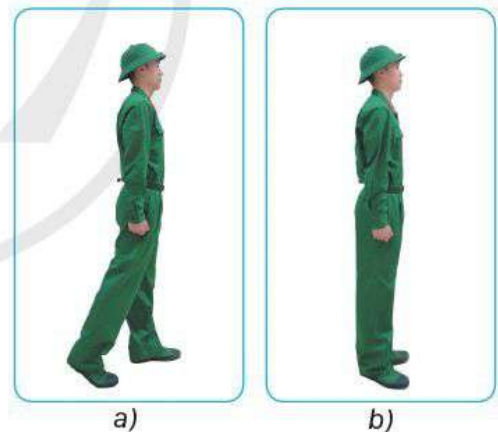
b) Quay bên trái

– Khẩu lệnh: “*Bên trái – Quay*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Bên trái*” là dự lệnh, “*Quay*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Quay*”, thực hiện hai cử động:

+ Cử động 1: Thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai gối thẳng tự nhiên, lấy gót chân trái và mũi bàn chân phải làm trụ, phối hợp với đà xoay của người, quay toàn thân sang trái 90° , sức nặng toàn thân dồn vào chân trái (hình 2.5a).

+ Cử động 2: Chân phải đưa lên thành tư thế đứng nghiêm (hình 2.5b).



Hình 2.5. Động tác quay bên trái

c) Quay nửa bên phải, nửa bên trái

– Khẩu lệnh: “*Nửa bên phải (trái) – Quay*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Nửa bên phải (trái)*” là dự lệnh, “*Quay*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Quay*”, thực hiện hai cử động như động tác quay bên phải (trái), chỉ khác là quay người sang phải (trái) 45° .

d) Quay đằng sau

– Khẩu lệnh: “*Đằng sau – Quay*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Đằng sau*” là dự lệnh, “*Quay*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Quay*”, thực hiện hai cử động:

+ Cử động 1: Thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai gối thẳng tự nhiên, lấy gót chân trái và mũi bàn chân phải làm trụ, phối hợp với sức toàn thân xoay người sang trái về sau 180° . Khi quay, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, quay xong đặt bàn chân trái xuống đất (hình 2.6a).

+ Cử động 2: Chân phải đưa lên thành tư thế đứng nghiêm (hình 2.6b).

Chú ý: Khi nghe dự lệnh, không lấy đà trước để quay; quay sang hướng mới, sức nặng toàn thân nhanh chóng dồn vào chân làm trụ, chân trụ và thân người thẳng, chân còn lại đứng bằng mũi chân; khi quay, hai tay vẫn giữ như khi đứng nghiêm, người không nghiêng ngả; khi đưa chân phải (chân trái) lên không đưa ngang, không đập gót.

3. Động tác chào, thôi chào

Ý nghĩa: Động tác chào, thôi chào để biểu thị tính kỉ luật, thể hiện tinh thần đoàn kết, nếp sống văn minh, thống nhất hành động.

Các bước thực hiện:



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Chào và thôi chào khi đội mũ cứng

*Chào cơ bản

– Động tác chào:

+ Khẩu lệnh: “*Chào*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Chào*”, tay phải đưa lên theo một đường gần nhất, đặt đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành mũ, năm ngón tay khép lại và duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống và hơi chếch về trước. Bàn tay và cánh tay dưới thành một đường thẳng, cánh tay trên nâng lên ngang với thân người. Đầu ngay ngắn, mắt nhìn thẳng vào người mình chào (hình 2.7).

– Động tác thôi chào:

+ Khẩu lệnh: “*Thôi*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Thôi*”, tay phải đưa xuống theo đường gần nhất trở về thành tư thế đứng nghiêm.



a) b)
Hình 2.6. Động tác quay đằng sau



Hình 2.7. Động tác chào cơ bản
khi đội mũ cứng

**Nhìn bên phải (trái) chào*

– Động tác chào:

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái) – Chào*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Nhìn bên phải (trái)*” là dự lệnh, “*Chào*” là động lệnh.

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Chào*”, tay phải đưa lên chào đồng thời đánh mắt lên 15° và quay mặt sang phải (trái) 45° , mắt nhìn vào người mình chào.

– Động tác thôi chào:

+ Khẩu lệnh: “*Thôi*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

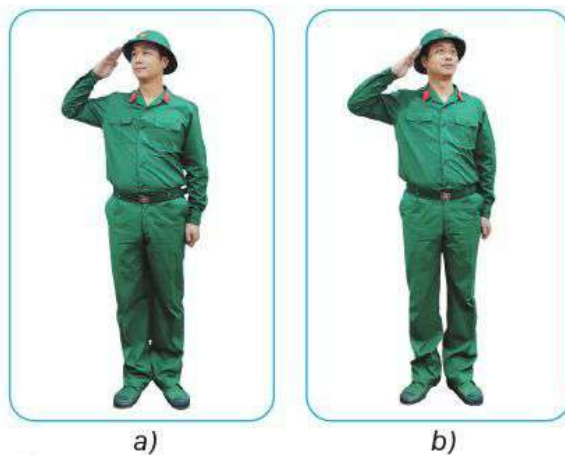
+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Thôi*”, tay phải đưa xuống theo đường gần nhất, đồng thời quay mặt về thành tư thế đứng nghiêm.

Chú ý: Khi đưa tay chào cần đưa thẳng, không đưa vòng; năm ngón tay khép sát nhau (đặc biệt lưu ý ngón cái và ngón út); lòng bàn tay không ngửa quá; động tác đưa tay lên, bỏ tay xuống phải nhanh, mạnh, dứt khoát và chuẩn xác. Khi chào không nghiêng đầu, lệch vai; không cười đùa, liếc mắt hoặc nhìn đi nơi khác; người ngay ngắn, nghiêm túc.

Khi thay đổi hướng chào không xoay vai hoặc đưa tay theo vành mũ; tay chào không thay đổi nhưng vị trí đặt đầu ngón tay giữa trên vành mũ thay đổi.

b) Chào và thôi chào khi không đội mũ

Khẩu lệnh, động tác thực hiện như động tác chào, thôi chào khi đội mũ cứng, chỉ khác đầu ngón tay giữa chạm ở ngang đuôi lông mày bên phải.



Hình 2.8. Động tác nhìn bên phải (trái) chào khi đội mũ cứng



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn thực hiện các động tác nghiêm, nghỉ; quay tại chỗ; chào, thôi chào.

II. ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN KHI ĐANG ĐI ĐỀU; GIẬM CHÂN, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN, ĐI ĐỀU CHUYỂN SANG GIẬM CHÂN, GIẬM CHÂN CHUYỂN SANG ĐI ĐỀU



Theo em, các động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đi đang đi đều; giậm chân, đứng lại, đổi chân, đi đều chuyển sang giậm chân, giậm chân chuyển sang đi đều thường được học sinh vận dụng trong những trường hợp nào?

1. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều

Ý nghĩa: Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều thực hiện khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí có trật tự, biểu hiện sự thống nhất, hùng mạnh, trang nghiêm của quân đội.

Các bước thực hiện:



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Đi đều

– Khẩu lệnh: “*Đi đều – Bước*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Đi đều*” là dự lệnh, “*Bước*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Bước*”, thực hiện hai cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên cách chân phải 75 cm⁽¹⁾ (tính từ gót chân nọ đến gót chân kia), đặt gót rồi đặt cả bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, đồng thời tay phải đánh ra phía trước, khuỷu tay gấp và nâng lên, cánh tay trên tạo với thân người một góc 60°, cánh tay dưới thành đường thẳng bằng, song song với mặt đất, cách thân người 20 cm

có độ dẹt, nắm tay úp xuống, khớp xương thứ ba ngón tay trở cao ngang mép dưới và thẳng với khuy áo ngực bên trái (đối với chiến sĩ nữ, mép trên của cánh tay dưới cao ngang mép dưới khuy áo thứ ba tính từ trên xuống, khớp xương thứ ba ngón tay trở thẳng đường chiết li ngực áo bên trái); tay trái đánh về phía sau, cánh tay thẳng, sát thân người, hợp với thân người một góc 45° có độ dẹt, lòng bàn tay quay vào trong; mắt nhìn thẳng (hình 2.9a).



a) b)
Hình 2.9. Động tác đi đều

+ Cử động 2: Chân phải bước lên cách chân trái 75 cm⁽²⁾, tay trái đánh ra phía trước như tay phải ở cử động 1 (chỉ khác khớp xương thứ ba ngón tay trở của tay trái cao ngang mép dưới và thẳng với khuy túi áo ngực bên phải; đối với quân nhân nữ, khớp xương thứ ba ngón tay trở của tay trái thẳng đường chiết li ngực áo bên phải); tay phải đánh về phía sau như tay trái ở cử động 1 (hình 2.9b). Cứ như vậy, chân nọ tay kia phối hợp tiếp tục bước với tốc độ 106 bước trong 1 phút.

Chú ý: Tay đánh ra phía trước phải giữ đúng độ cao và góc độ của cánh tay trên với thân người; cánh tay đánh ra phía sau thẳng tự nhiên; giữ đúng độ dài mỗi bước và tốc độ đi; người ngay ngắn (không nghiêng ngả, gật gù), mắt nhìn thẳng (không liếc mắt hoặc quay nhìn xung quanh), nét mặt tươi vui.

b) Dừng lại

– Khẩu lệnh: “*Dừng lại – Dừng*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Dừng lại*” là dự lệnh, “*Dừng*” là động lệnh. Người chỉ huy hô dự lệnh và động lệnh đều rơi vào chân phải.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Dừng*”, thực hiện hai cử động:

⁽¹⁾⁽²⁾ Vận dụng đối với học sinh là 60 cm.

- + Cử động 1: Chân trái bước lên một bước (bàn chân đặt chéo sang trái $22,5^\circ$).
- + Cử động 2: Chân phải đưa lên ngang với chân trái (bàn chân đặt chéo sang phải $22,5^\circ$), hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

Chú ý: Nghe dứt dự lệnh không đứng nghiêm ngay; chân phải đưa lên không đưa ngang, không đập gót.

c) *Đổi chân khi đang đi đều*

Khi đang đi đều, nhịp hô của người chỉ huy sẽ là: “Một” rơi vào lúc bàn chân trái vừa chạm đất, “Hai” rơi vào lúc bàn chân phải vừa chạm đất. Khi đang đi trong đội hình, nếu thấy mình đi sai với nhịp hô của người chỉ huy hoặc sai với nhịp nhạc thì phải đổi chân ngay theo ba cử động:

- Cử động 1: Chân trái bước lên 1 bước (vẫn đi đều) (hình 2.10a).
- Cử động 2: Chân phải bước lên một bước ngắn (bước đệm) đặt sau gót chân trái, lấy mũi bàn chân phải làm trụ, chân trái bước nhanh về phía trước một bước ngắn (lúc này tay phải đánh về trước, tay trái đánh về sau có dừng lại) (hình 2.10b, c).
- Cử động 3: Chân phải bước lên phối hợp với đánh tay, đi theo nhịp bước thống nhất (hình 2.10d).

Chú ý: Khi đổi chân không nhảy cò, không kéo rê chân; tay, chân phối hợp nhịp nhàng.



Hình 2.10. Động tác đổi chân khi đang đi đều

2. Động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân, đi đều chuyển sang giậm chân, giậm chân chuyển sang đi đều

Ý nghĩa: Động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân, đi đều chuyển sang giậm chân, giậm chân chuyển sang đi đều để điều chỉnh đội hình trong khi đi đều được nhanh chóng và trật tự.

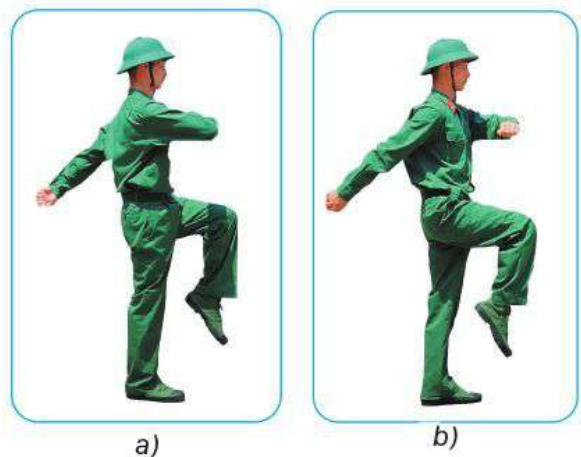
Các bước thực hiện:



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) *Giậm chân*

- Khẩu lệnh: “Giậm chân – Giậm”, có dự lệnh và động lệnh; “Giậm chân” là dự lệnh, “Giậm” là động lệnh.



Hình 2.11. Động tác giậm chân

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Giậm”, chân trái nhấc lên, đầu bàn chân cách mặt đất 30 cm⁽¹⁾ rồi đặt xuống, đồng thời tay phải đánh ra phía trước, tay trái đánh về phía sau như đi đều. Chân phải nhấc lên rồi đặt xuống như chân trái, đồng thời tay trái đánh ra trước, tay phải đánh về sau như đi đều. Cứ như vậy, chân nọ tay kia phối hợp nhịp nhàng giậm chân tại chỗ.

b) Dừng lại khi đang giậm chân

– Khẩu lệnh: “Dừng lại – Dừng”, có dự lệnh và động lệnh; “Dừng lại” là dự lệnh, “Dừng” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Dừng”, thực hiện hai cử động:

+ Cử động 1: Chân trái giậm thêm một bước (tay vẫn đánh như đi đều).

+ Cử động 2: Chân phải đưa về đặt sát chân trái, đồng thời hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

c) Đổi chân khi đang giậm chân

Khi thấy mình giậm chân sai so với nhịp giậm chân của phân đội thì phải thực hiện động tác đổi chân ngay, gồm ba cử động:

– Cử động 1: Chân trái giậm một bước rồi dừng lại.

– Cử động 2: Chân phải giậm liên tiếp hai bước tại chỗ (tay trái đánh về trước, tay phải đánh về sau có dừng lại).

– Cử động 3: Chân trái giậm một bước rồi hai chân thay nhau giậm theo nhịp thống nhất.

Chú ý: Khi đổi chân, tay và chân phối hợp nhịp nhàng; khi đặt bàn chân xuống đất, đặt mũi bàn chân xuống trước rồi đặt cả bàn chân.

d) Đi đều chuyển sang giậm chân

– Khẩu lệnh: “Giậm chân – Giậm”, có dự lệnh và động lệnh; “Giậm chân” là dự lệnh, “Giậm” là động lệnh. Người chỉ huy hô dự lệnh “Giậm chân” và động lệnh “Giậm” đều rơi vào chân phải.

– Động tác: Đang đi đều, khi nghe dứt động lệnh “Giậm”, chân trái bước lên một bước rồi dừng lại, chân phải nhấc lên, mũi bàn chân cách mặt đất 30 cm⁽²⁾ rồi đặt xuống (vẫn đánh tay như đi đều), chân trái nhấc lên rồi đặt xuống, cứ như vậy chân nọ tay kia phối hợp nhịp nhàng giậm chân tại chỗ.

e) Giậm chân chuyển sang đi đều

– Khẩu lệnh: “Đi đều – Bước”, có dự lệnh và động lệnh; “Đi đều” là dự lệnh, “Bước” là động lệnh. Người chỉ huy hô dự lệnh và động lệnh đều rơi vào chân phải.

– Động tác: Đang giậm chân, khi nghe dứt động lệnh “Bước”, chân trái bước lên chuyển thành đi đều.



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn thực hiện các động tác: đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều; giậm chân, đứng lại, đổi chân, đi đều chuyển sang giậm chân, giậm chân chuyển sang đi đều.

⁽¹⁾⁽²⁾ Vận dụng đối với học sinh là 20 cm

III. ĐỘNG TÁC TIẾN, LÙI, QUA PHẢI, QUA TRÁI; NGỒI XUỐNG, ĐỨNG DẬY; CHẠY ĐỀU, ĐỨNG LẠI



Theo em, các động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái; ngồi xuống, đứng dậy; chạy đều, đứng lại thường được học sinh vận dụng trong những trường hợp nào?

1. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái

Ý nghĩa: Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái vận dụng để di chuyển vị trí ở cự li ngắn từ năm bước trở lại và điều chỉnh đội hình được trật tự, thống nhất.

Các bước thực hiện:



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Tiến

– Khẩu lệnh: “*Tiến X bước – Bước*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Tiến X bước*” là dự lệnh, “*Bước*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Bước*”, chân trái bước trước rồi chân phải bước tiếp theo (độ dài mỗi bước 75 cm⁽¹⁾), hai tay vẫn giữ như tư thế đứng nghiêm. Khi tiến đủ số bước theo quy định thì đứng lại, đưa chân phải (trái) về thành tư thế đứng nghiêm.

b) Lùi

– Khẩu lệnh: “*Lùi X bước – Bước*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Lùi X bước*” là dự lệnh, “*Bước*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Bước*”, chân trái lùi trước rồi đến chân phải (độ dài mỗi bước 75 cm⁽²⁾), hai tay vẫn như khi đứng nghiêm. Khi lùi đủ số bước theo quy định thì đứng lại, đưa chân phải (trái) về thành tư thế đứng nghiêm.

c) Qua phải

– Khẩu lệnh: “*Qua phải X bước – Bước*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Qua phải X bước*” là dự lệnh, “*Bước*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Bước*”, chân phải bước sang phải, mỗi bước rộng bằng vai (tính từ mép ngoài của hai bàn chân). Sau mỗi bước kéo chân trái về thành tư thế đứng nghiêm rồi mới bước tiếp bước khác; bước đủ số bước theo quy định thì đứng lại.



Hình 2.12. Động tác tiến



Hình 2.13. Động tác lùi

⁽¹⁾⁽²⁾ Vận dụng đối với học sinh là 60 cm.

d) Qua trái

– Khẩu lệnh: “*Qua trái X bước – Bước*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Qua trái X bước*” là dự lệnh, “*Bước*” là động lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Bước*” thực hiện như động tác qua phải, chỉ khác: di chuyển sang bên trái.

Chú ý: Cự li trên năm bước phải đi đều hoặc chạy đều. Khi lùi hoặc qua phải, qua trái trên năm bước phải quay về hướng mới, về tư thế đứng nghiêm rồi mới đi đều hoặc chạy đều.

2. Động tác ngồi xuống, đứng dậy

Ý nghĩa: Động tác ngồi xuống, đứng dậy được vận dụng trong khi học tập, sinh hoạt ngoài trời hoặc trong hội trường (không có ghế) được trật tự, thống nhất.

Các bước thực hiện:



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Ngồi xuống

– Khẩu lệnh: “*Ngồi xuống*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Ngồi xuống*”, thực hiện hai cử động:

+ Cử động 1: Chân phải bước chéo qua chân trái, bàn chân phải đặt sát bàn chân trái, gót chân phải ngang 1/2 bàn chân trái (hình 2.14a).

+ Cử động 2: Ngồi xuống, hai chân bắt chéo nhau (hình 2.14b) hoặc hai chân mở rộng bằng vai (hai bàn chân và hai đầu gối mở rộng bằng vai) (hình 2.14c); hai cánh tay cong tự nhiên, hai khuỷu tay đặt trên hai đầu gối, bàn tay trái nắm cổ tay phải, bàn tay phải nắm tự nhiên, mu bàn tay hướng lên trên. Khi mới, đổi bàn tay phải nắm cổ tay trái.

Chú ý: Cần ngồi ngay ngắn, không nghiêng ngả.



a)



b)



c)

Hình 2.14. Động tác ngồi xuống

b) Đứng dậy

– Khẩu lệnh: “*Đứng dậy*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Đứng dậy*”, thực hiện hai cử động:

+ Cử động 1: Người đang ở tư thế ngồi hai chân bắt chéo nhau (nếu ngồi ở tư thế hai chân mở rộng bằng vai thì phải trở về tư thế ngồi hai chân bắt chéo nhau), hai bàn tay nắm lại chống xuống đất (mu bàn tay hướng về trước), cổ tay thẳng, phối hợp với hai chân đẩy người đứng dậy.

+ Cử động 2: Chân phải đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

Chú ý: Khi đứng dậy không cúi người, không chống tay về trước.

3. Động tác chạy đều, đứng lại

Ý nghĩa: Động tác chạy đều, đứng lại để vận động hành tiến được nhanh chóng, trật tự và thống nhất.

Các bước tiến hành:



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Chạy đều

– Khẩu lệnh: “*Chạy đều – Chạy*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Chạy đều*” là dự lệnh, “*Chạy*” là động lệnh.

Khi nghe dứt dự lệnh “*Chạy đều*”, hai bàn tay nắm lại, đầu ngón tay cái đặt lên đốt thứ hai của ngón tay giữa (bên ngoài); hai tay co lên bên sườn, cổ tay ngang thắt lưng, lòng bàn tay hướng vào trong thân người, toàn thân thẳng, người hơi ngả về trước, mắt nhìn thẳng, sức nặng toàn thân dồn vào hai mũi bàn chân (không kiễng gót) (hình 2.16a).

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Chạy*”, thực hiện hai cử động:



a)

b)

c)

Hình 2.16. Động tác chạy đều

+ Cử động 1: Dùng sức bật của chân phải, chân trái bước lên cách chân phải 85 cm⁽¹⁾, đặt mũi bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, đồng thời tay phải đánh ra phía trước, cánh tay dưới đưa hơi chếch về phía trong người, nắm tay thẳng với đường khuỷu áo túi ngực phải kéo xuống, khuỷu tay không quá thân người; tay trái đánh về sau, nắm tay không quá thân người; thân trên thẳng (hình 2.16b).

+ Cử động 2: Chân phải bước lên cách chân trái 85 cm⁽²⁾; tay trái đánh ra phía trước như tay phải, tay phải đánh về sau như tay trái ở cử động 1. Cứ như vậy, chân nọ tay kia phối hợp nhịp nhàng chạy (chạy bằng mũi bàn chân), tốc độ 170 bước trong một phút (hình 2.16c).

Chú ý: Tiếp xúc mặt đất bằng mũi bàn chân, không tiếp xúc bằng cả bàn chân; tay đánh ra trước đúng góc độ, không đánh lên cao hoặc chúc xuống, không ôm bụng; thân người ngay ngắn; mắt nhìn thẳng.

b) Dừng lại

– Khẩu lệnh: “*Dừng lại – Dừng*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Dừng lại*” là dự lệnh, “*Dừng*” là động lệnh. Người chỉ huy hô dự lệnh và động lệnh đều rơi vào chân phải.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Dừng*”, thực hiện bốn cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên bước thứ nhất.

+ Cử động 2: Chân phải bước lên bước thứ hai.

+ Cử động 3: Chân trái bước lên bước thứ ba, bàn chân đặt chếch sang trái 22,5° và dừng lại.

+ Cử động 4: Chân phải đưa lên đặt sát gót chân trái, bàn chân đặt chếch sang phải 22,5°, đồng thời hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

Chú ý: Mỗi bước chạy ở từng cử động ngắn dần và giảm tốc độ; khi dừng lại (ở cử động 4) không lao người về trước, giữ tư thế nghiêm.



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn thực hiện các động tác: tiến, lùi, qua phải, qua trái; ngồi xuống, đứng dậy; chạy đều, đứng lại.



Hội thao “Đội ngũ từng người không có súng”.

Nội dung: Các động tác của đội ngũ từng người không có súng.

Cách tiến hành:

– *Bước 1:* Chọn nội dung (có thể chọn một số nhóm động tác) và xây dựng chương trình hội thao.

– *Bước 2:* Xây dựng tiêu chí đánh giá các nội dung thi (giới thiệu thành viên, khẩu lệnh, động tác, thời gian thực hiện, sự phối hợp giữa các thành viên,...)

– *Bước 3:* Thành lập các đội thi và tổ giám khảo (thành viên tổ giám khảo có thể là học sinh).

– *Bước 4:* Các đội thực hiện chương trình hội thao.

– *Bước 5:* Tổ giám khảo nhận xét và công bố kết quả.

(1) (2) Vận dụng đối với học sinh là 75 cm.

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nêu được thứ tự động tác tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội để vận dụng trong các hoạt động chung của nhà trường;
- Biết cách điều khiển, tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội.



Em hãy quan sát hình 3.1 và nêu những hoạt động tập thể tương tự ở trường em.



Hình 3.1. Lễ Chào cờ của một đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam

I. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG

1. Ý nghĩa

Đội hình tiểu đội hàng ngang thường dùng trong học tập, hạ đặt mệnh lệnh, khi sinh hoạt, kiểm tra, điểm nghiệm, khám súng, giá súng.



Em hãy nêu một số hoạt động tập thể của lớp, của trường, trong đó học sinh tham gia theo đội hình hàng ngang.

2. Các bước thực hiện



Em hãy thực hiện chỉ huy đội hình tiểu đội hàng ngang theo hướng dẫn sau:

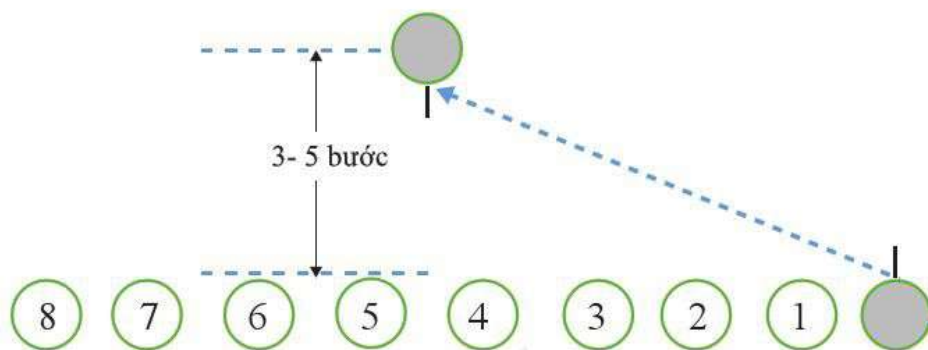
a) *Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang*

Thứ tự thực hiện gồm bốn bước: tập hợp, điểm số, chỉnh đốn hàng ngũ, giải tán.

Bước 1: Tập hợp

– Khẩu lệnh: “*Tiểu đội X thành 1 hàng ngang – Tập hợp*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Tiểu đội X thành 1 hàng ngang*” là dự lệnh, “*Tập hợp*” là động lệnh.

Tiểu đội trưởng xác định vị trí và hướng tập, rồi quay về phía các chiến sĩ đứng nghiêm hô khẩu lệnh: “*Tiểu đội X*” (nếu có các tiểu đội khác cùng học tập ở bên cạnh thì phải hô rõ phiên hiệu của tiểu đội mình, ví dụ: “*Tiểu đội I*”; nếu không có thì chỉ hô: “*Tiểu đội*”). Toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng, đứng nghiêm sẵn sàng nhận lệnh. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Thành 1 hàng ngang – Tập hợp*” rồi quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp.



Hình 3.2. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang

– Động tác: Nghe dứt động lệnh “*Tập hợp*”, toàn tiểu đội nhanh chóng, im lặng chạy đến đứng bên trái tiểu đội trưởng thành 1 hàng ngang, gián cách 70 cm (tính bằng khoảng cách giữa hai gót chân của hai người đứng cạnh nhau), thứ tự từ phải sang trái: chiến sĩ số 1 đến chiến sĩ số 8. Từng người khi đã đứng vào vị trí phải nhanh chóng tự động đóng hàng đứng gián cách, sau đó đứng nghỉ. Khi có 2 – 3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước chính giữa đội hình, khi cách đội hình 3 – 5 bước thì quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Bước 2: Điểm số

– Khẩu lệnh: “*Điểm số*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

– Động tác: Nghe dứt động lệnh “*Điểm số*”, các chiến sĩ theo thứ tự từ phải sang trái lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội; khi điểm số của mình kết hợp quay mặt sang trái 45°, điểm số xong quay mặt trở lại; chiến sĩ đứng cuối cùng khi điểm số không quay mặt, điểm số xong thì hô “*Hết*”. Từng người trước khi điểm số của mình phải đứng nghiêm, điểm số xong về tư thế đứng nghỉ. Điểm số phải hô to, rõ, gọn, dứt khoát, liên tục.

Bước 3. Chỉnh đốn hàng ngũ

Trước khi chỉnh đốn hàng ngũ, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

– Trường hợp lấy người đứng đầu bên phải (trái) đội hình làm chuẩn để chỉnh đốn:

+ Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái) – Thẳng*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Nhìn bên phải (trái)*” là dự lệnh, “*Thẳng*” là động lệnh.

+ Động tác:

Nghe dứt động lệnh “*Thẳng*”, trừ chiến sĩ làm chuẩn (người đứng đầu bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, các chiến sĩ khác quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), di chuyển lên, xuống để đóng hàng và giữ đứng gián cách. Khi đóng hàng ngang, từng người phải nhìn được nắp túi áo ngực bên trái (phải) của người đứng thứ tư về bên phải (trái) của mình (đối với chiến sĩ nữ, nhìn ve cổ áo).

Khi tiểu đội đã dóng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “*Thôi*”. Nghe dứt động lệnh “*Thôi*”, tất cả tiểu đội quay mặt trở lại nhìn thẳng phía trước, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng.

Tiểu đội trưởng kiểm tra gián cách giữa các chiến sĩ sau đó quay nửa bên trái (phải), đi đều về phía người làm chuẩn, cách 2 – 3 bước, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang. Nếu thấy gót chân và ngực của các chiến sĩ nằm trên một đường thẳng là hàng ngang đã thẳng. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô khẩu lệnh: “*Đồng chí X (hoặc số X) – Lên (xuống)*”; chiến sĩ nghe tiểu đội trưởng gọi tên (số) của mình phải quay mặt nhìn về hướng tiểu đội trưởng và làm theo lệnh; khi chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô: “*Được*”, chiến sĩ quay mặt về hướng cũ. Tiểu đội trưởng sửa cho người đứng gần người làm chuẩn trước, có thể sửa cho 3 – 4 chiến sĩ cùng lúc và có thể qua phải (trái) 1 bước để kiểm tra hàng. Chỉnh đốn hàng ngũ xong, tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy.

– Trường hợp lấy chiến sĩ đứng ở giữa hàng làm chuẩn để chỉnh đốn:

Tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh: “*Đồng chí X (hoặc số X) làm chuẩn*” (chỉ có động lệnh, không có dự lệnh) để chỉ định người làm chuẩn. Chiến sĩ X nghe gọi, đứng nghiêm trả lời “*Có*” và giơ tay trái lên. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Nhìn giữa – Thẳng*” (“*Nhìn giữa*” là dự lệnh, “*Thẳng*” là động lệnh); nghe dứt động lệnh “*Thẳng*”, các chiến sĩ lấy người làm chuẩn để dóng hàng và gián cách. Chiến sĩ làm chuẩn sau khi nghe dứt động lệnh “*Thẳng*” khoảng 5 giây thì bỏ tay xuống và vẫn đứng nghiêm. Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ thực hiện như khi nhìn bên phải (trái) để chỉnh đốn hàng ngang.

Bước 4: Giải tán

– Khẩu lệnh: “*Giải tán*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

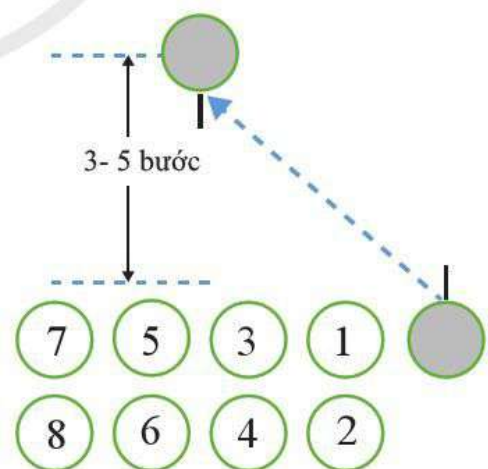
– Động tác: Nghe dứt động lệnh “*Giải tán*”, mọi người trong tiểu đội nhanh chóng tản ra; nếu đang đứng nghỉ, nghe khẩu lệnh “*Giải tán*” phải về tư thế đứng nghiêm rồi tản ra.

b) Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang

Các bước thực hiện cơ bản giống như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang, chỉ khác:

– Khẩu lệnh: “*Tiểu đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp*”.

– Động tác: Khi đứng trong đội hình, các số lẻ đứng hàng trên, các số chẵn đứng hàng dưới; cự li giữa hàng trên và hàng dưới là 1 m; không đếm số; khi dóng hàng, các chiến sĩ đứng hàng dưới vừa phải dóng hàng ngang vừa phải dóng hàng dọc để đứng đúng cự li và gián cách; tiểu đội trưởng chỉnh đốn hàng trên trước, hàng dưới sau.



Hình 3.3. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn đóng vai tiểu đội trưởng chỉ huy đội hình tiểu đội hàng ngang.

II. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC

1. Ý nghĩa

Đội hình tiểu đội hàng dọc thường dùng khi hành quân, khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí,...

2. Các bước thực hiện



Em hãy thực hiện chỉ huy đội hình tiểu đội hàng dọc theo hướng dẫn sau:

a) *Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc*

Thứ tự thực hiện gồm bốn bước: tập hợp, điểm số, chỉnh đốn hàng ngũ, giải tán.

Bước 1: Tập hợp

– Khẩu lệnh: “*Tiểu đội X thành 1 hàng dọc – Tập hợp*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Tiểu đội X thành 1 hàng dọc*” là dự lệnh, “*Tập hợp*” là động lệnh.

Tiểu đội trưởng xác định vị trí và hướng tập, rồi quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh: “*Tiểu đội X*” (nếu có các tiểu đội khác cùng học tập ở bên cạnh thì phải hô rõ phiên hiệu của tiểu đội mình, ví dụ: “*Tiểu đội I*”; nếu không có thì chỉ hô: “*Tiểu đội*”). Toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng, đứng nghiêm sẵn sàng nhận lệnh. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Thành 1 hàng dọc – Tập hợp*” rồi quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp.

– Động tác: Nghe dứt động lệnh “*Tập hợp*”, toàn tiểu đội nhanh chóng, im lặng chạy vào đứng sau tiểu đội trưởng thành 1 hàng dọc, cự li giữa người đứng trước và người đứng tiếp sau là 1 m (tính bằng khoảng cách từ gót chân người đứng trước đến gót chân người đứng sau), thứ tự từ trên xuống dưới:

chiến sĩ số 1 đến chiến sĩ số 8. Khi có 2 – 3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước đội hình, chệch về bên trái cách đội hình 3 – 5 bước thì quay mặt vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp. Từng chiến sĩ khi đã vào vị trí phải nhanh chóng tự động đóng hàng, đứng đúng cự li, sau đó đứng nghỉ.

Bước 2: Điểm số

– Khẩu lệnh: “*Điểm số*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.



Em hãy kể một số hoạt động tập thể của lớp, của trường, trong đó học sinh tham gia theo đội hình hàng dọc.



Hình 3.4. *Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc*

– Động tác: Thực hiện tương tự như ở đội hình 1 hàng ngang, chỉ khác: các chiến sĩ theo thứ tự từ trên xuống dưới lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội; khi quay mặt phải quay hết cỡ sang bên trái.

Bước 3: Chinh đồn hàng ngũ

Trước khi chinh đồn hàng ngũ tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

– Khẩu lệnh: “*Nhìn trước – Thẳng*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “*Thẳng*” là động lệnh.

– Động tác:

+ Nghe dứt động lệnh “*Thẳng*”, trừ chiến sĩ số 1 làm chuẩn, các chiến sĩ khác dóng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không nhìn thấy gáy người đứng thứ hai trước mình), tự xê dịch sang phải, trái để thẳng hàng dọc và xê dịch lên, xuống để đứng cự li.

+ Khi tiểu đội đã dóng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “*Thôi*”, toàn tiểu đội đứng nghiêm. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều về phía trước chính giữa đội hình, cách đội hình 2 – 3 bước, nhìn vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Hàng dọc thẳng là đầu (mũi), cạnh vai của các chiến sĩ nằm trên một đường thẳng. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô khẩu lệnh: “*Đồng chí X (hoặc số X) – Qua phải (trái)*”; chiến sĩ (số) được gọi tên làm theo lệnh của tiểu đội trưởng; khi chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “*Được*”. Tiểu đội trưởng sửa lần lượt từ trên xuống dưới, cũng có thể sửa cho 2 – 3 chiến sĩ cùng một lúc. Sửa xong, tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy (ở bên trái phía trước đội hình).

Bước 4: Giải tán

Thực hiện như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

b) Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

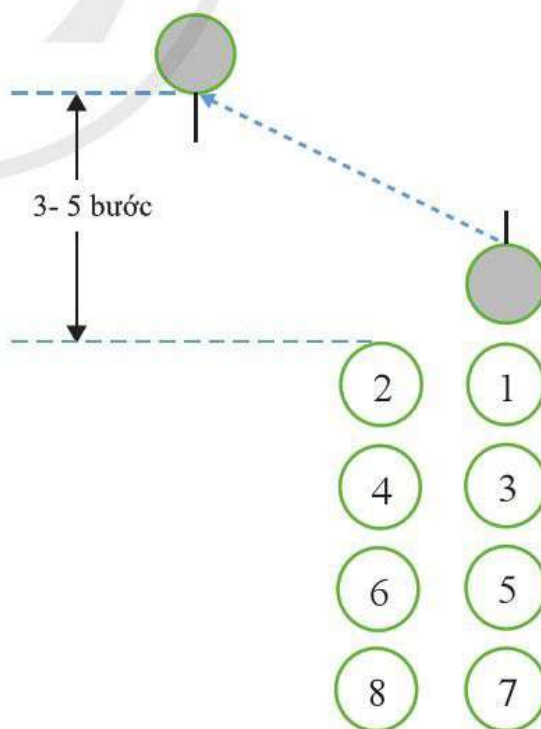
Các bước thực hiện cơ bản giống như đội hình tiểu đội 1 hàng dọc, chỉ khác:

– Khẩu lệnh: “*Tiểu đội X thành 2 hàng dọc – Tập hợp*”.

– Động tác: Các chiến sĩ số lẻ đứng thành 1 hàng dọc ở bên phải, các chiến sĩ số chẵn đứng thành 1 hàng dọc ở bên trái; không điểm số; khi dóng hàng, các chiến sĩ đứng ở hàng bên trái (hàng số chẵn) vừa dóng hàng dọc, vừa dóng hàng ngang.



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn đóng vai tiểu đội trưởng chỉ huy đội hình tiểu đội hàng dọc.



Hình 3.5. Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

III. TIẾN, LÙI, QUA PHẢI, QUA TRÁI; RA KHỎI HÀNG, VỀ VỊ TRÍ

1. Ý nghĩa

Tiến, lùi, qua phải, qua trái thường dùng để di chuyển vị trí ở cự li ngắn từ năm bước trở lại và điều chỉnh đội hình được trật tự thống nhất.

Ra khỏi hàng, về vị trí thường dùng để ra khỏi hàng, về vị trí trong đội hình nhanh chóng và trật tự.



Em hãy kể một số hoạt động tập thể hằng ngày của lớp, của trường, trong đó học sinh sử dụng các động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái; ra khỏi hàng, về vị trí.

2. Các bước thực hiện



Em hãy chỉ huy tiểu đội thực hiện tiến, lùi, qua phải, qua trái; ra khỏi hàng, về vị trí theo hướng dẫn sau:

a) Tiến, lùi, qua phải, qua trái

– Khẩu lệnh: “*Tiến (lùi) X bước – Bước*” hoặc “*Qua phải (trái) X bước – Bước*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Tiến (lùi) X bước*” hoặc “*Qua phải (trái) X bước*” là dự lệnh, “*Bước*” là động lệnh.

– Động tác: Nghe dứt động lệnh “*Bước*”, toàn tiểu đội đồng loạt thực hiện theo lệnh của tiểu đội trưởng (thực hiện như động tác từng người). Khi bước đủ số bước quy định thì đứng lại và tự động đóng hàng đứng cự li, gián cách, thẳng hàng rồi về tư thế đứng nghiêm.

Chú ý: Cần phối hợp đều, thống nhất động tác toàn đội; khi qua phải, qua trái, bước từng bước để di chuyển. Khi một chân của mình chạm vào chân của người đứng bên cạnh thì kéo chân kia về đứng nghiêm rồi mới di chuyển tiếp bước khác; tiến, lùi đều bước thống nhất, không bước dài hơn hoặc ngắn hơn 75 cm⁽¹⁾.

b) Ra khỏi hàng, về vị trí

Ra khỏi hàng

– Khẩu lệnh: “*Đồng chí X (hoặc số X) – Ra khỏi hàng*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Đồng chí X (hoặc số X)*” là dự lệnh, “*Ra khỏi hàng*” là động lệnh.

– Động tác: Nghe dứt dự lệnh “*Đồng chí X (hoặc số X)*”, chiến sĩ nghe gọi đến tên (hoặc số) của mình đứng nghiêm, trả lời “*Có*”. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “*Ra khỏi hàng*”, chiến sĩ đó trả lời “*Rõ*” rồi đi đều hoặc chạy đều đến trước mặt người chỉ huy 2 – 3 bước thì dừng lại, chào và báo cáo “*Tôi có mặt*”, nhận lệnh xong trả lời “*Rõ*” và chấp hành mệnh lệnh đó. Khi đứng trong đội hình hàng dọc, chiến sĩ được gọi ra khỏi hàng làm động tác qua phải (qua trái) 1 bước rồi đi đều hoặc chạy đều đến trước tiểu đội trưởng.

⁽¹⁾ Vận dụng đối với học sinh là 60 cm.

Khi đứng trong đội hình 1 hàng ngang hoặc ở hàng thứ nhất của đội hình 2 hàng ngang, chiến sĩ được gọi ra khỏi hàng đi đều hoặc chạy đều đến trước tiểu đội trưởng; nếu đứng ở hàng thứ hai trong đội hình 2 hàng ngang thì quay đằng sau rồi vòng bên phải (hoặc bên trái) đi đều hoặc chạy đều đến trước tiểu đội trưởng.

Về vị trí

- Khẩu lệnh: “*Về vị trí*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
- Động tác: Nghe dứt động lệnh “*Về vị trí*”, chiến sĩ thực hiện động tác chào tiểu đội trưởng. Khi tiểu đội trưởng chào đáp lễ, bỏ tay xuống thì chiến sĩ mới bỏ tay xuống, quay về hướng định đi, đi đều hoặc chạy đều về vị trí cũ trong đội hình theo đường gần nhất.



Tiểu đội chào khi đi đều và thôi chào:

Chào khi đi đều

– Khẩu lệnh: “*Nhìn bên phải (trái) – Chào*”, có dự lệnh và động lệnh; “*Nhìn bên phải (trái)*” là dự lệnh, “*Chào*” là động lệnh. Người chỉ huy hô dự lệnh và động lệnh đều rơi vào chân trái. Khi tiểu đội đi đến cách cấp trên 20 – 25 m tiểu đội trưởng hô khẩu lệnh cho tiểu đội chào.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Chào*”, toàn tiểu đội đánh mặt lên 15° và quay mặt về bên phải (trái) 45° chào. Trường hợp đi trong đội hình cấp trên thì tiểu đội trưởng không giơ tay chào.

Thôi chào

– Khẩu lệnh: “*Thôi*”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh. Khi đã đi qua cấp trên, tiểu đội trưởng hô khẩu lệnh cho tiểu đội thôi chào.

– Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “*Thôi*”, toàn tiểu đội quay mặt trở lại nhìn thẳng thôi chào, tiếp tục đi đều.



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn đóng vai tiểu đội trưởng chỉ huy tiểu đội thực hiện các động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái; ra khỏi hàng, về vị trí.



Hội thao “Đội ngũ tiểu đội”.

Nội dung: Chỉ huy đội hình tiểu đội hàng ngang, đội hình tiểu đội hàng dọc; ra khỏi hàng, về vị trí.

Cách tiến hành:

– **Bước 1:** Chọn nội dung (có thể chọn một số nội dung) và xây dựng chương trình hội thao.

– **Bước 2:** Xây dựng tiêu chí đánh giá các nội dung thi (giới thiệu thành viên, khẩu lệnh, động tác, thời gian thực hiện, sự phối hợp giữa các thành viên,...).

– **Bước 3:** Thành lập các đội thi và tổ giám khảo (thành viên tổ giám khảo có thể là học sinh).

– **Bước 4:** Các đội thực hiện chương trình hội thao.

– **Bước 5:** Tổ giám khảo nhận xét và công bố kết quả.

BÀI 4

CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC VẬN ĐỘNG TRONG CHIẾN ĐẤU

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nêu được ý nghĩa, tác dụng các tư thế, động tác kĩ thuật cơ bản vận động trong chiến đấu của cá nhân;
- Thực hành được các động tác kĩ thuật vận động trong chiến đấu và bước đầu biết vận dụng phù hợp với các loại địa hình, địa vật ở các tình huống cụ thể.



Điều lệ Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông quy định các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu là một trong các nội dung thi trong hội thao.

Theo em, các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu gồm các động tác nào? Em hãy nêu ý nghĩa của các động tác này.

I. Ý NGHĨA

Các tư thế, động tác cơ bản trong chiến đấu giúp người chiến sĩ biết lợi dụng địa hình, địa vật; đồng thời quan sát nắm chắc tình hình, nhanh chóng tiếp cận mục tiêu, tiêu diệt địch, bảo vệ mình, tránh được thương vong trong chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. ĐI KHOM CAO, ĐI KHOM THẤP, CHẠY KHOM



Theo em, các động tác đi khom cao, đi khom thấp và chạy khom vận dụng ở những trường hợp nào trong chiến đấu?

1. Trường hợp vận dụng

Đi khom cao vận dụng khi ta còn cách tương đối xa địch, trong điều kiện địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực hoặc đêm tối, trời mưa, sương mù, địch khó phát hiện.

Đi khom thấp vận dụng khi ta ở tương đối gần địch, nơi địa hình có vật che đỡ, che khuất cao ngang tầm ngực.

Chạy khom vận dụng khi vượt qua địa hình trống trải trong tầm nhìn của địch hoặc tránh bom đạn của chúng.

2. Các bước thực hiện với chiến sĩ giữ súng tiểu liên AK



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Đi khom cao

– Động tác chuẩn bị (hình 4.1a):

Người thấp hơn đi thường và nghiêng sang phải hoặc sang trái để thu nhỏ tiết diện cơ thể, hai chân chùng xuống, từ bụng trở lên hơi cúi. Súng ở tư thế sẵn sàng chiến đấu (tay trái cầm ốp lót tay, tay phải nắm tay cầm, ngón trỏ đặt ngoài vòng cò, nếu người nghiêng sang trái thì tay cầm súng ngược lại), đầu nòng súng cao ngang tầm mắt.

– Động tác tiến (hình 4.1b):

Chân sau bước về phía trước đặt cả bàn chân xuống đất, chân trước hơi gập, chân sau cong tự nhiên. Cứ như vậy hai chân thay nhau để tiến.

Chú ý: Khi thực hiện không đi nhún nhảy (mổ cò), đầu không nhấp nhô, mang đeo trang bị gọn gàng không phát ra tiếng động, mắt luôn quan sát địch.

b) Đi khom thấp

Động tác cơ bản giống như đi khom cao, chỉ khác là hai đầu gối chùng thấp hơn.

c) Chạy khom

Động tác cơ bản giống đi khom, chỉ khác là tốc độ nhanh, mạnh hơn, tùy theo tình hình cụ thể để vận dụng cho phù hợp.

Chú ý: Khi chạy khom không làm ảnh hưởng đến hình dáng, tính chất của vật che khuất, che đỡ.



a)



b)

Hình 4.1. Động tác đi khom cao



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn thực hiện các động tác đi khom cao, đi khom thấp, chạy khom.

III. BÒ CAO HAI CHÂN MỘT TAY, BÒ CAO HAI CHÂN HAI TAY



Theo em, động tác bò cao hai chân một tay, bò cao hai chân hai tay vận dụng ở các trường hợp nào trong chiến đấu?

1. Trường hợp vận dụng

Bò cao thường vận dụng nơi địa hình có vật che khuất, che đỡ cao hơn tư thế người ngồi, chủ yếu là dùng để vận động qua những nơi địa hình, địa vật dễ phát hiện ra tiếng động như nơi có gạch, ngói, sỏi, đá, cành khô, lá cây,... hoặc khi cần dùng tay dò gỡ mìn.

Bò cao có hai cách: Bò cao hai chân một tay thường vận dụng khi gần địch, sẵn sàng dùng súng hoặc cần có một tay để ôm, mang vũ khí, khí tài hoặc dò gỡ mìn, vạch đường tiến; bò cao hai chân hai tay thường vận dụng trong trường hợp cần bò nhanh hơn bò cao hai chân một tay, khi hai tay không phải ôm vũ khí, khí tài.

2. Các bước thực hiện với chiến sĩ giữ súng tiểu liên AK



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Bò cao hai chân một tay

– Động tác chuẩn bị (hình 4.2a):

Người ngồi xổm, bàn chân hơi kiễng lên. Nếu chỉ có súng thì dây súng quàng vào vai phải, tay phải nắm ốp lót tay, cánh tay phải kẹp súng vào hông phải; tay trái đặt xuống đất giữa hai chân. Nếu ôm thuốc nổ hoặc vật chất khác có thể đeo súng ở sau lưng, nòng súng hướng xuống đất.

– Động tác tiến (hình 4.2b,c):

Thân người hơi ngả về phía trước, tay trái do mình hoặc bề cảnh lá dọn đường tiến và chọn chỗ đặt chân (năm ngón tay chụm lại, sau đó xòe ra đẩy nhẹ cành khô, lá cây, ... về các phía). Khi tìm được nơi đặt chân, dùng các đầu ngón tay, chân trước làm trụ để giữ thăng bằng, nhấc chân sau lên đặt mũi bàn chân sát dưới lòng bàn tay trái. Cứ như vậy hai chân thay nhau phối hợp với tay trái để tiến.



Hình 4.2. Động tác bò cao hai chân một tay

b) Bò cao hai chân hai tay

Động tác cơ bản giống như bò cao hai chân một tay chỉ khác: Súng đeo ở sau lưng, nòng súng quay xuống đất; tay trái dọn và tìm chỗ đặt cho chân trái, tay phải dọn và tìm chỗ cho chân phải (hình 4.3).



Hình 4.3. Động tác bò cao hai chân hai tay

Chú ý: Khi bò cao hai chân một tay, bò cao hai chân hai tay không nhấc mông lên cao; không để súng và trang bị mang theo va chạm vào các vật khác.



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn thực hiện các động tác bò cao hai chân một tay, bò cao hai chân hai tay.

IV. LÊ CAO, LÊ THẤP



Theo em, động tác lê cao, lê thấp thường vận dụng ở trường hợp nào trong chiến đấu?

1. Trường hợp vận dụng

Lê cao thường vận dụng khi ta ở gần địch, địa hình có vật che đỡ, che khuất cao hơn tư thế người ngồi, cần thu hẹp tiết diện cơ thể, vận động nhẹ nhàng.

Lê thấp thường vận dụng khi ta ở gần địch, địa hình có vật che đỡ, che khuất cao hơn tư thế người nằm, cần thu hẹp tiết diện cơ thể, vận động nhẹ nhàng.

2. Các bước thực hiện với chiến sĩ giữ súng tiểu liên AK



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Lê cao

– Động tác chuẩn bị (hình 4.4a):

Người nằm nghiêng xuống đất, chân trái co ngang thắt lưng, chân phải duỗi thẳng tự nhiên, tay trái chống trước đùi trái, đầu hơi cúi, mắt luôn quan sát mục tiêu. Tay phải cầm súng ở ốp lót tay, đặt súng lên đùi và căng chân trái, hộp tiếp đạn quay ra ngoài, nòng súng hơi chếch sang trái, để báng súng ngang bằng với bàn chân trái.

– Động tác tiến: (hình 4.4b,c):

Chân phải co lên, đặt mũi bàn chân sát gót chân trái, tay trái đưa về trước, đặt bàn tay trái xuống đất; dùng sức của cánh tay trái và chân phải nâng người lên, đưa người về trước cho tới khi chân phải thẳng tự nhiên; cứ như vậy, phối hợp chân tay đẩy người lên theo hướng tiến.



a)



b)



c)

Hình 4.4. Động tác lê cao

b) Lê thấp

Động tác cơ bản giống như lê cao, chỉ khác: đặt cả cánh tay trái xuống đất; khi tiến dùng sức của cánh tay trái và chân phải để tiến.

Chú ý: Khi lê cao, lê thấp tay trái đặt về phía trước để di chuyển thân người với khoảng cách không quá dài hoặc quá ngắn; mông và đùi trái là mặt đất, không để súng, dây súng chạm đất; mắt luôn quan sát mục tiêu.



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ bạn thực hiện các động tác lê cao, lê thấp.

V. TRườn Ở ĐỊA HÌNH BẰNG PHẴNG, TRườn Ở ĐỊA HÌNH MẮP MÔ



Theo em, động tác trườn thường vận dụng ở trường hợp nào trong chiến đấu?

1. Trường hợp vận dụng

Động tác trườn thường vận dụng khi ở gần sát địch, cần hạ thấp thân người; khi vận động qua khu vực bằng phẳng, trống trải, hỏa lực địch bắn thẳng.

2. Các bước thực hiện với chiến sĩ giữ súng tiểu liên AK



Em hãy quan sát hình ảnh và thực hiện các động tác theo hướng dẫn sau:

a) Trườn ở địa hình bằng phẳng

– Động tác chuẩn bị (hình 4.5a):

Người nằm sấp, hai tay gấp lại, khuỷu tay rộng hơn vai; hai bàn tay úp xuống đất và để sát vào nhau dưới cằm hoặc hơi chếch về trước theo hướng tiến; hai chân duỗi thẳng, hai gót chân khép tự nhiên. Súng để dọc theo thân người (mũi súng hướng về trước và ngang đầu) và cách thân người 15 – 20 cm, mặt súng quay vào phía trong người.



a)

– Động tác tiến (hình 4.5b):

Cánh tay đưa về phía trước khoảng 10 – 15 cm (nếu tay úp dưới cằm), hai mũi bàn chân co về phía trước. Dùng sức của cánh tay và hai mũi bàn chân nâng người lên đưa về phía trước, bụng và ngực lướt trên mặt đất, cằm gần sát đất, đầu cúi, mắt theo dõi địch. Khi người đã trườn lên xong, tay phải từ từ nhấc súng lên theo và đặt nhẹ xuống đất.



b)

Hình 4.5. Động tác trườn ở địa hình bằng phẳng

b) Trườn ở địa hình mấp mô

Động tác cơ bản giống như trườn ở địa hình bằng phẳng, chỉ khác: chống hai bàn tay để trườn, khi trườn hai tay co, khuỷu tay khép bên sườn, hai tay úp để sát nách. Dùng sức hai bàn tay và cánh tay phối hợp với hai mũi bàn chân nâng người từ từ nhích lên phía trước.

Chú ý: Khi trườn phải khóa khớp hông, gồng cơ bụng để thân người thành một trục thẳng hướng tiến; di chuyển 2 – 3 nhịp mới di chuyển súng.



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ các bạn thực hiện các động tác trườn ở địa hình bằng phẳng, trườn ở địa hình mấp mô.

VI. VỢT TIẾN, DỪNG LẠI



Theo em, vọt tiến, dừng lại thường được vận dụng ở trường hợp nào trong chiến đấu?

1. Trường hợp vận dụng

Vọt tiến, dừng lại thường vận dụng khi vượt qua địa hình trống trải, khi địch tạm ngừng hoả lực.

2. Các bước thực hiện với chiến sĩ giữ súng tiểu liên AK



Em hãy thực hiện các động tác vọt tiến, dừng lại theo hướng dẫn sau:

a) Vọt tiến

– Khi đang ở tư thế cao (đi, đứng, quỳ, ngồi): Người hơi cúi về phía trước, hai tay cầm súng ở tư thế sẵn sàng chiến đấu hoặc xách súng. Khi tiến, dùng sức của hai chân bật người về phía trước thành chạy nhanh, người hơi nghiêng về một bên, mắt luôn quan sát mục tiêu.

– Khi đang ở tư thế thấp (nằm, bò, lê, trườn): Người hơi nghiêng về bên trái, chân trái co ngang thắt lưng, chân phải duỗi thẳng tự nhiên, tay phải chuyển súng (khí tài) về dọc theo thân người. Khi tiến, dùng sức của tay trái và hai chân đẩy người bật dậy, đột nhiên vọt chạy.

– Vận dụng động tác vọt tiến ở tư thế thấp (bò, trườn, nằm) (hình 4.6): Tay phải nắm ốp lót tay kết hợp hai chân chống đẩy người dậy, đồng thời chân phải bước về trước để tiến. Trong quá trình tiến, người cúi thấp hơi nghiêng về một bên, mắt luôn quan sát địch.

b) Dừng lại

Khi đang tiến có thể dừng lại ở tư thế đứng, quỳ, ngồi, nằm, dừng lại ở tư thế nào là tùy theo tình hình địch và địa hình cụ thể.

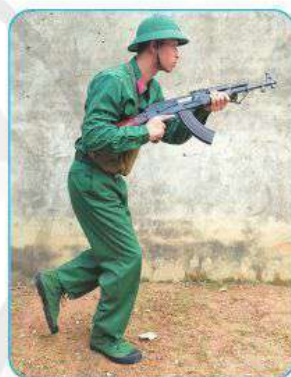
Chú ý: Trước khi vọt tiến phải chọn vị trí dừng lại cho phù hợp hành động vọt tiến; dừng lại phải nhanh, gọn, dứt khoát.



a)



b)



c)

Hình 4.6. Vận dụng động tác vọt tiến ở tư thế thấp



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp đỡ các bạn thực hiện vận dụng động tác vọt tiến ở tư thế thấp (bò, trườn, nằm) và dừng lại.



Hội thao “Chúng em là chiến sĩ”.

Nội dung: Một số tư thế động tác vận động trong chiến đấu (trong số các động tác đi khom, chạy khom, bò cao; lê cao, lê thấp; trườn; vọt tiến, dừng lại).

Cách tiến hành:

– **Bước 1:** Chọn nội dung, xây dựng chương trình hội thao và chuẩn bị địa hình phù hợp với nội dung hội thao.

– **Bước 2:** Xây dựng tiêu chí đánh giá các nội dung thi (giới thiệu thành viên, kĩ thuật, thời gian thực hiện, sự phối hợp giữa các thành viên).

– **Bước 3:** Thành lập các đội thi và tổ giám khảo (thành viên tổ giám khảo có thể là học sinh).

– **Bước 4:** Các đội thực hiện chương trình hội thao.

– **Bước 5:** Tổ giám khảo nhận xét và công bố kết quả.

BÀI 1

THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH
MỘT SỐ LOẠI BOM, Mìn, ĐẠN, VŨ KHÍ HOÁ HỌC,
VŨ KHÍ SINH HỌC, VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO,
THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Hiểu được tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai và cháy nổ;
- Nhận diện được một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, vật liệu nổ; nguy cơ xảy ra mất an toàn do thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ gây ra;
- Biết cách phòng, tránh và hướng dẫn phòng, tránh tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.



Hợp tác xử lý ô nhiễm dioxin ở Việt Nam là một trong những nỗ lực chung giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Em hãy cho biết:

- Chất dioxin thuộc loại vũ khí nào? Tên gọi khác là gì?
- Ngoài việc huỷ hoại môi trường, chất dioxin còn gây ra những hậu quả gì sau chiến tranh ở Việt Nam?

I. PHÒNG TRÁNH BOM, Mìn, ĐẠN, VŨ KHÍ HOÁ HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC VÀ VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

1. Tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học và vũ khí công nghệ cao

a) Bom

Bom là một thiết bị nổ có sức công phá lớn, huỷ diệt sự sống, gây thiệt hại vô cùng to lớn về người và tài sản.



Theo em, bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học và vũ khí công nghệ cao có tác hại như thế nào?

b) Mìn

Mìn là vũ khí nổ bố trí trên bộ, dưới nước nhằm tiêu diệt sinh lực, phá hoại công trình, phương tiện và dùng làm vật cản ngăn chặn cơ động của đối phương. Mìn huỷ diệt môi trường sống và để lại di chứng nặng nề.

c) Đạn

Đạn là vật thể mang phần tử sát thương sinh lực, phá huỷ phương tiện, vũ khí trang bị của đối phương; đạn dễ nổ, khả năng còn sót lại rất lớn, gây khó khăn trong dò tìm, phát hiện và xử lý.



Năm 2005, Liên hợp quốc đã chọn ngày 04 - 4 hằng năm là Ngày Quốc tế Nhận thức bom mìn và Hỗ trợ hành động bom mìn. Ở Việt Nam, sau chiến tranh, tính đến tháng 12-2020 vẫn còn 5 640 triệu hécta (chiếm 17,1% diện tích đất tự nhiên của cả nước) bị ô nhiễm bom, mìn và vật liệu nổ.



Hình 1.1. Quả bom Mỹ (phát hiện ở sông Hồng năm 2011)



Hình 1.2. Mìn sót lại sau chiến tranh (phát hiện ở Hà Giang năm 2013)



Hình 1.3. Quả đạn pháo của Mỹ (phát hiện ở Quảng Trị năm 2015)

d) Vũ khí hoá học

Vũ khí hóa học là vũ khí dựa trên đặc tính gây độc cao và tác dụng nhanh của các chất độc quân sự gây cho đối phương tổn thất lớn về sinh lực, phương tiện kỹ thuật, cơ sở kinh tế, quốc phòng, môi trường sinh thái. Vũ khí hóa học có phạm vi tác động lớn về không gian, thời gian; khó phát hiện kịp thời, gây khó khăn, phức tạp trong phòng chống và khắc phục hậu quả.



Hình 1.4. Chất độc da cam gây tác hại cho môi trường sống

e) Vũ khí sinh học

Vũ khí sinh học là những tác nhân sinh học (vi trùng, vi khuẩn, virus, nấm, đơn bào hoặc độc tố sinh học,...) được sử dụng vào mục đích quân sự gây tổn hại cho người hoặc động vật, thực vật và môi trường của đối phương. Vũ khí sinh học lan truyền bằng nhiều con đường và có thể lan truyền trên lãnh thổ rộng với liều lượng nhỏ, bí mật; phạm vi sát thương lớn, thời gian tác hại dài; khó phát hiện, phòng chống và khắc phục hiệu quả.

g) Vũ khí công nghệ cao

Vũ khí công nghệ cao được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng, tính năng kỹ – chiến thuật; có độ chính xác cao, tầm hoạt động xa, uy lực sát thương lớn gấp từ hàng chục đến hàng trăm lần so với vũ khí thông thường; có thể hoạt động trong những điều kiện nhiễu, thời tiết phức tạp, ngày, đêm,...



Hình 1.5. Máy bay F-16 của Mỹ tham gia tập trận tại bang Arizona năm 2016

2. Một số biện pháp phòng tránh bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học và vũ khí công nghệ cao

Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục do nhà trường, khu dân cư tổ chức về tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao; nâng cao ý thức và chủ động phòng tránh nguy cơ tiềm ẩn do chúng gây ra.

Tích cực, chủ động tìm hiểu thực trạng và hậu quả do bom, mìn, đạn sót lại sau chiến tranh ở Việt Nam gây ra; không tự ý đào bới bom, mìn, đạn và vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh.

Hạn chế đến những nơi nghi bị nhiễm chất độc hại trong chiến tranh; thận trọng khi sử dụng lương thực, thực phẩm, nguồn nước sinh hoạt ở những nơi này,...



Theo em, học sinh cần làm gì để phòng tránh bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học và vũ khí công nghệ cao?



Hình 1.6. Xử lý ô nhiễm dioxin tại Đà Nẵng



1. Em cần làm gì khi thấy biển cảnh báo khu vực nguy hiểm có bom, mìn, đạn?
2. Tình cờ, bạn Bình đi đánh cá phát hiện một quả bom nằm ở gần bờ sông. Nếu em là Bình, em sẽ xử lý như thế nào?



Công ước quốc tế về vũ khí hoá học (có hiệu lực thi hành từ ngày 29-4-1997) nghiêm cấm việc phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hoá học. Công ước quốc tế về vũ khí sinh học (có hiệu lực từ ngày 26-3-1975) nghiêm cấm các loại vũ khí sinh học và chất độc bằng cách cấm các hành vi phát triển, sản xuất, thu nhận, chuyển giao, tàng trữ và sử dụng. Việt Nam đã tham gia cả hai công ước này.

II. PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Tác hại của thiên tai

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội.

Thiên tai bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần,....



Em hãy nêu những thiên tai thường xảy ra hàng năm ở Việt Nam. Những thiên tai đó gây tác hại như thế nào?

Thiên tai gây hậu quả nghiêm trọng, có thể làm nhiều người chết, mất tích hoặc bị thương. Sau thiên tai, sức khỏe người dân nơi bị thiên tai ảnh hưởng do các điều kiện vệ sinh không được đảm bảo, dễ phát sinh dịch bệnh. Thiên tai tàn phá, làm suy thoái,

ô nhiễm môi trường sống, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, tác động xấu đến sản xuất, phá hủy tài sản của Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, gây mất ổn định xã hội.



a) Hạn hán ở Tiền Giang (2020)



b) Lũ quét gây sạt lở đất, trường học ở Điện Biên (2020)



c) Bão làm chìm tàu thuyền ở Thừa Thiên Huế (2020)

Hình 1.7. Một số hậu quả do thiên tai gây ra

2. Một số biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ hậu quả thiên tai

Thực hiện phương châm 4 tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ trong phòng, chống, giảm nhẹ hậu quả thiên tai.

Thường xuyên theo dõi thông tin dự báo, cảnh báo về thiên tai; thực hiện nghiêm túc kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai tại địa phương; gia cố nhà, công trình; chuẩn bị sẵn lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh; chủ động sơ tán người, tài sản ở những nơi không an toàn (chỗ bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở,...); chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh sau khi chịu tác động của thiên tai.

Tích cực tham gia các hoạt động xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn, thương tích, đuối nước; tuyên truyền, giáo dục phòng, chống thiên tai trong trường học và nơi em ở.



Khi nhận được thông tin dự báo bão, lũ xảy ra ở địa phương em, em sẽ làm gì để tham gia phòng, chống và giảm nhẹ hậu quả của chúng?



a) Gia cố nhà cửa phòng bão tại Quảng Bình (2021)



b) Di chuyển học sinh đến nơi an toàn ở Quảng Trị (2021)



c) Dọn vệ sinh sau lũ ở Huế (2020)

Hình 1.8. Một số hoạt động phòng, chống và giảm nhẹ hậu quả thiên tai



Ở địa phương nơi em sinh sống, học tập thường xảy ra những thiên tai nào? Em đã làm gì để góp phần phòng, chống và giảm nhẹ hậu quả của những thiên tai đó?

III. PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH

1. Tác hại của dịch bệnh

Dịch (dịch bệnh) là sự xuất hiện bệnh truyền nhiễm với số người mắc bệnh vượt quá số lượng dự tính bình thường trong một khoảng thời gian xác định ở một khu vực nhất định.

Có một số loại dịch bệnh như: Cúm A-H5N1, Covid-19, tả, bạch hầu, sốt xuất huyết, ho gà, lao phổi, bệnh tay-chân-miệng, uốn ván,... Dịch bệnh đe dọa nghiêm trọng đến sức khoẻ, tính mạng của nhiều người, nhất là đối với trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi; ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt, học tập của người dân; làm đình trệ sản xuất, ảnh hưởng đến môi trường sống,...



Em hãy kể tên và nêu tác hại của một số dịch bệnh.



a) Bệnh viện dã chiến ở Mỹ trong đại dịch cúm (1918)



b) Chờ phát lương thực miễn phí trong dịch Covid-19 ở Ấn Độ (2021)



c) Khu vực cách ly ở Việt Nam do Covid-19 (2021)

Hình 1.9. Một số tác hại của dịch bệnh

2. Một số biện pháp phòng, chống dịch bệnh

Thực hiện phương châm 4 tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ trong phòng, chống dịch bệnh.

Tiêm chủng theo hướng dẫn của cơ quan chức năng; vệ sinh, diệt trùng, tiêu huỷ động vật và các vật khác là trung gian truyền bệnh. Trang bị bảo vệ cá nhân; sử dụng thuốc, sinh phẩm y tế để phòng bệnh; sử dụng hoá chất diệt khuẩn,...

Phân loại, khám bệnh, chữa bệnh những người mắc bệnh dịch và người bị nghi ngờ mắc bệnh dịch. Cách ly y tế đối với người mắc bệnh dịch, người bị nghi ngờ mắc bệnh dịch, người mang mầm bệnh dịch, người tiếp xúc với tác nhân gây bệnh dịch. Khai báo y tế, báo cáo tình hình dịch bệnh theo quy định.

Tuyên truyền, giáo dục phòng, chống dịch bệnh trong trường học và nơi em ở.



1. Dịch bệnh có tác hại gì khác so với các bệnh thông thường? Vì sao?
2. Em cần làm gì để góp phần phòng, chống dịch bệnh tại gia đình, nhà trường và cộng đồng?

IV. PHÒNG, CHỐNG CHÁY NỔ

1. Tác hại của cháy nổ



Em hãy quan sát hình 1.10 và nêu một số tác hại do các vụ cháy nổ gây ra.



a) Công ty Rạng Đông (Việt Nam) sau vụ cháy (2019)



b) Cháy rừng ở Hà Tĩnh (2018)



c) Vụ nổ bình ga trên tàu thủy sân ở Quảng Ninh (2021)

Hình 1.10. Một số vụ cháy nổ

Cháy nổ xảy ra do nhiều nguyên nhân như thiên tai, tác động của các hiện tượng tự nhiên (sét đánh, do núi lửa phun trào, khô hạn, nắng nóng,...); sự cố hệ thống, thiết bị điện; sự bất cẩn của con người trong sử dụng lửa, điện; ma sát tĩnh điện, tự cháy;...

Cháy nổ có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe, tính mạng con người, tài sản và ảnh hưởng tới môi trường. Cháy rừng còn trực tiếp giết chết nhiều loại động, thực vật, gây mất cân bằng sinh thái, gây biến đổi khí hậu;...

2. Một số biện pháp phòng, chống cháy nổ



Em hãy nêu các cách chữa cháy có trong hình 1.11 và kể thêm một số cách khác.



a)



b)



c)

Hình 1.11. Một số cách chữa cháy

– Thực hiện quy định của pháp luật và phương châm 4 tại chỗ về phòng cháy và chữa cháy: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ.

– Sử dụng an toàn chất dễ gây cháy nổ; không để các chất dễ cháy nổ gần nguồn lửa, nguồn nhiệt và những nơi có khả năng sinh nhiệt.

– Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy nổ; lắp đặt hệ thống báo cháy và chữa cháy, lắp cửa ngăn cháy lan.

– Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng cháy và chữa cháy; thực hiện nghiêm chỉnh nội quy phòng cháy, chữa cháy; ngăn chặn hành vi vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy; biết sử dụng dụng cụ, phương tiện chữa cháy.

– Khi gặp sự cố cháy nổ, cần bình tĩnh thực hiện theo các bước: báo động; ngắt các nguồn điện; cứu người và di chuyển tài sản; tham gia chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy tại chỗ phù hợp (bình chữa cháy, cát, chăn chiên, nước,...); gọi điện cho lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên nghiệp; hỗ trợ lực lượng phòng cháy chữa cháy để dập đám cháy.



Khi có sự cố cháy nổ hoặc cần cứu nạn, cứu hộ vượt quá khả năng xử lý, hãy gọi số điện thoại 114 (điện thoại bàn hoặc điện thoại di động đều không cần bấm mã vùng). Hệ thống tổng đài sẽ tự động chuyển cuộc gọi cho đơn vị Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gần nhất. Cán bộ trực sẽ tiếp nhận thông tin, xác định rõ địa chỉ nơi xảy ra cháy nổ, sự cố, tai nạn và nhanh chóng phát lệnh báo động. Các lực lượng, đơn vị chức năng sẽ được khẩn trương điều động đi chữa cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ. Cán bộ trực cũng hướng dẫn người báo tin cách xử lý cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ trong từng tình huống cụ thể.



Em hãy nêu những việc cần làm và không nên làm để phòng, chống cháy nổ.



Khảo sát việc thực hiện của trường em đang học đối với quy định về phòng, chống một số thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ theo gợi ý sau:

– *Bước 1:* Tự tìm hiểu quy định cụ thể về phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ liên quan đến trường em đang học.

– *Bước 2:* Xây dựng bảng khảo sát gồm các tiêu chí về phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ áp dụng cho trường em đang học.

– *Bước 3:* Tiến hành khảo sát.

– *Bước 4:* Nhận xét, nêu nguy cơ và đề xuất cách khắc phục.

– *Bước 5:* Xây dựng bản báo cáo kết quả khảo sát.



1. Em hãy xây dựng và trình bày trước lớp kế hoạch tuyên truyền cho học sinh một trường trung học cơ sở (ở gần trường em đang học) về việc phòng, tránh bom, mìn, đạn và các loại vũ khí khác còn sót lại sau chiến tranh.

2. Em hãy xây dựng và trình bày trước lớp báo cáo về chủ đề: “Phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ – Những việc làm của cộng đồng nơi em ở”.

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

- Nắm được kiến thức cơ bản, ban đầu về các tai nạn thông thường, về các kỹ thuật cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, sơ cứu bỏng, hô hấp nhân tạo, kỹ thuật băng bó vết thương và chuyển thương;
- Biết cách sơ cứu ban đầu các tai nạn thông thường;
- Làm được các động tác cầm máu tạm thời, cố định tạm thời xương gãy, hô hấp nhân tạo; biết băng bó vết thương bằng băng cuộn và ứng dụng các phương tiện sẵn có tại chỗ, biết cách chuyển thương.



Hôm nay là ngày Chủ nhật, Minh và một số bạn đến trường để hoàn thành tờ báo tường của lớp chào mừng Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22-12). Cả ngày say sưa với công việc quên cả ăn nên Minh bị mệt, mắt tối sầm, khuỵu xuống rồi ngất đi. Theo em, cần phải sơ cứu cho bạn Minh như thế nào?

I. SƠ CỨU MỘT SỐ TAI NẠN THÔNG THƯỜNG

1. Một số tai nạn thông thường



Em hãy nêu tên và cách sơ cứu một số tai nạn thông thường ở hình 2.1.



a)



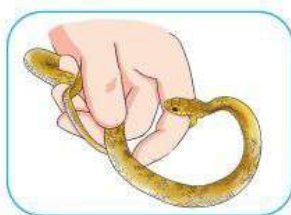
b)



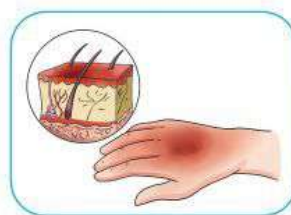
c)



d)



e)



g)

Hình 2.1. Một số tai nạn thông thường

Trong cuộc sống có thể xảy ra nhiều tai nạn, trong đó có một số tai nạn thông thường như: đuối nước; ngất; bong gân; say nóng, say nắng; rắn độc cắn; bỏng;...

2. Cách sơ cứu

Bảng 2.1. Cách sơ cứu một số tai nạn thông thường

Tai nạn	Cách sơ cứu
Đuối nước	– Tìm kiếm sự trợ giúp của người khác, đồng thời đưa nạn nhân ra khỏi nước một cách an toàn. – Đặt nạn nhân nằm nghiêng ở chỗ khô ráo, móc đờm, dãi,... ở miệng nạn nhân. – Hà hơi, thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực đến khi nạn nhân tự thở được. – Chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
Ngất	– Đưa nạn nhân vào chỗ thoáng, mát; cởi cúc áo, quần,... để máu dễ lưu thông. – Kích thích vào các đầu ngón tay, ngón chân và giật tóc mai. – Hô hấp nhân tạo, xoa bóp tim ngoài lồng ngực đến khi nạn nhân tự thở được thì chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
Bong gân	– Chườm đá lạnh vào khu vực sưng đau 20 – 30 phút. – Băng ép và cố định tạm thời nơi bị tổn thương. – Nếu bong gân nặng thì chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
Say nóng, say nắng	– Chuyển nạn nhân đến nơi thoáng mát. – Cởi bớt trang phục, nới lỏng quần áo, tháo tất. – Cho nạn nhân uống nước mát và chườm nước mát vào trán, gáy, nách, bẹn,... – Trường hợp nặng, sau khi sơ cứu chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
Rắn độc cắn	– Băng ép khi bị cắn bởi rắn cạp nong, cạp nia, hổ mang chúa, rắn biển và một số loài rắn hổ mang thường; không băng ép khi bị rắn lục cắn. – Bất động chân, tay bị cắn bằng nẹp; cởi bỏ đồ trang sức ở chân, tay bị cắn. – Có thể rửa vết cắn bằng nước sạch với xà phòng rồi sát trùng. – Trấn an nạn nhân, không để nạn nhân tự đi lại. – Sau khi sơ cứu, chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
Bỏng	– Loại trừ nguyên nhân gây bỏng cho nạn nhân. – Ngâm vết bỏng vào nước lạnh để giảm đau. – Băng ép vùng bị tổn thương. – Nếu bỏng nặng thì chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.



An rủ Toàn tắm ở hồ cạnh nhà hai bạn. Toàn nói: “Vừa đá bóng xong xuống nước để bị chuột rút lắm”. An không nghe, cứ tắm. Toàn ngồi chờ, một lúc lâu không thấy An vội nhảy xuống hồ, lặn mấy hơi thì túm được tóc An lôi vào bờ. Toàn vác An dốc ngược trên vai chạy mấy vòng rồi đặt An nằm nghiêng, dùng tay móc đờm dãi, sau đó hà hơi, thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực. May sao, An đã thở được. Toàn mừng quá gọi bố mẹ An đến.

Em hãy nhận xét, góp ý về những việc làm của An và Toàn trong câu chuyện trên.

II. CẦM MÁU TẠM THỜI

1. Mục đích

Cầm máu tạm thời để nhanh chóng làm ngừng chảy máu bằng những biện pháp đơn giản, góp phần cứu sống nạn nhân và tránh các tai biến nguy hiểm.

2. Kỹ thuật một số cách cầm máu tạm thời thông thường

a) Gấp chi tối đa

Trường hợp áp dụng: Thường sử dụng khi bị chảy máu ở chi, vết thương không bị gãy xương. Khi gấp chi tối đa, các động mạch bị gấp và bị đè ép bởi các khối cơ bao quanh làm máu ngừng chảy. Đây là biện pháp đơn giản, mọi người có thể tự làm ngay sau khi bị thương.

Ví dụ: Gấp chi tối đa khi máu chảy ở cẳng tay.



Em hãy quan sát hình 2.2 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

- *Chuẩn bị:* Cuộn băng làm con chèn, dây mềm hoặc băng vải.
- *Bước 1:* Đặt con chèn vào nếp gấp giữa cẳng tay và cánh tay.
- *Bước 2:* Kéo mạnh cẳng tay ép vào cánh tay.
- *Bước 3:* Buộc chặt cẳng tay vào cánh tay bằng dây mềm hoặc băng vải.

b) Garo

Trường hợp áp dụng: Thường sử dụng khi bị chảy máu nhiều, phụt thành tia.

Ví dụ: Garo ở cánh tay.



Em hãy quan sát hình 2.3 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

- *Chuẩn bị:* Gạc y tế, dây vải xoắn hoặc dây cao su.
- *Bước 1:* Ấn động mạch để tạm thời cầm máu.
- *Bước 2:* Lót gạc ở chỗ định đặt garo; đặt garo sát phía trên vết thương 3 – 5 cm, cuộn nhiều vòng tương đối chặt, phối hợp bỏ tay ấn động mạch.
- *Bước 3:* Buộc cố định garo.

Chú ý: Sau khi garo, cứ 30 phút cần nới garo một lần và không để garo quá 3 – 4 giờ



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp bạn thực hiện gấp chi tối đa khi máu chảy ở cẳng tay và garo khi máu chảy nhiều ở cánh tay.



Phương không may bị ngã, vết thương ở lòng bàn tay rớm máu. Bạn Hoa nêu ý kiến lấy khăn tay băng vết thương và buộc thật chặt cánh tay bằng dây cao su. Em có đồng ý với bạn Hoa không? Vì sao?



Hình 2.2. Gấp chi tối đa



Hình 2.3. Garo

III. BĂNG VẾT THƯƠNG

1. Mục đích

Băng vết thương nhằm cầm máu, giảm đau, đồng thời che kín, ngăn cản và hạn chế vi khuẩn, vi trùng xâm nhập vết thương, góp phần làm vết thương mau lành.



Theo em, băng vết thương để làm gì?

2. Kỹ thuật một số kiểu băng băng cuộn

a) Băng số 8

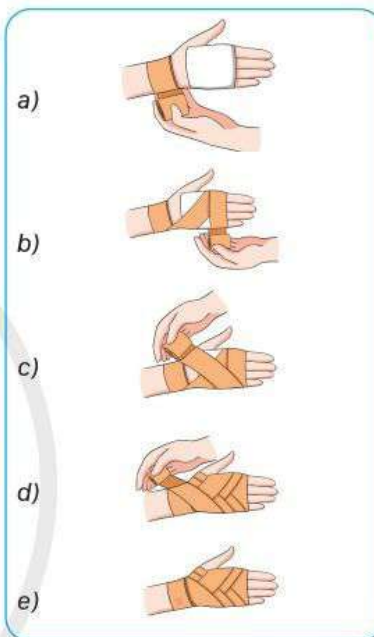
Trường hợp áp dụng: Thường băng ở các vùng khớp (bàn tay, khuỷu chân, khớp gối,...), những bộ phận đều nhau và dài trên cơ thể (cánh tay, thân mình,...)

Ví dụ: Băng mu bàn tay.



Em hãy quan sát hình 2.4 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

- *Chuẩn bị:* 1 cuộn băng, gạc, ghim cài băng, kéo,...
- *Bước 1:* Đặt gạc lên vết thương; cố định vòng băng đầu tiên tại cổ tay bằng cách để đầu băng hơi lệch, dùng ngón tay cái đè lên và gấp lại rồi băng tiếp 2-3 vòng (hình 2.4a).
- *Bước 2:* Hướng đường băng qua mu bàn tay và cuộn 1 vòng quanh 4 ngón tay (hình 2.4b); hướng đường băng tiếp theo về phía cổ tay và đè lên 2/3 chiều rộng vòng băng cố định (hình 2.4c); băng các vòng tiếp theo sao cho vòng sau đè lên 2/3 chiều rộng vòng trước và phủ dần sang hai bên bàn tay đến khi kín vết thương (hình 2.4d)
- *Bước 3:* Cố định vòng băng cuối tại cổ tay bằng ghim cài băng (hình 2.4e).



Hình 2.4

b) Băng vòng xoắn

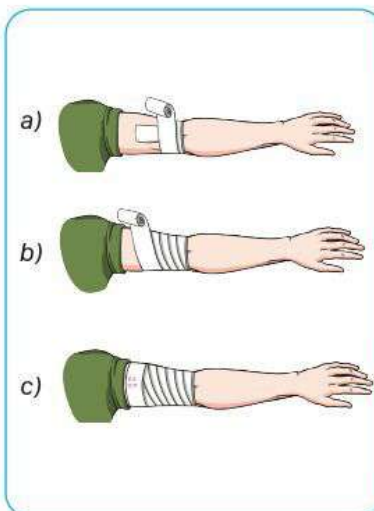
Trường hợp áp dụng: Thường băng ở các bộ phận đều nhau như cánh tay, ngón tay,...

Ví dụ: Băng cánh tay.



Em hãy quan sát hình 2.5 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

- *Chuẩn bị:* 1 cuộn băng, gạc, ghim cài băng, kéo,...
- *Bước 1:* Đặt gạc lên vết thương; cố định vòng băng đầu tiên tại cánh tay (sát khuỷu) tương tự như băng số 8 (hình 2.5a).
- *Bước 2:* Tay trái quay đầu cuộn băng, tay phải giữ cuộn băng ngửa lên trên, đưa đường băng cuộn theo hình vòng xoắn lần lượt từ dưới lên trên, vòng băng sau đè lên 2/3 vòng băng trước đến khi vết thương được phủ kín (hình 2.5b).
- *Bước 3:* Cố định vòng băng cuối tại cánh tay (sát vai) bằng ghim cài băng (hình 2.5c).



Hình 2.5

c) Băng dấu nhân

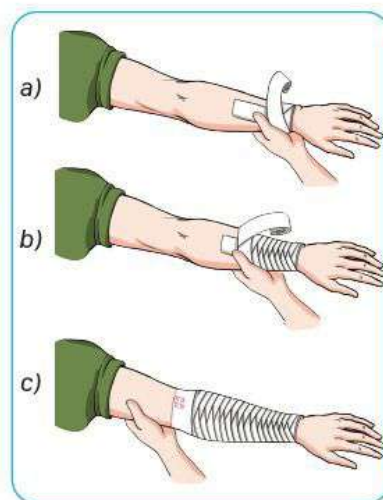
Trường hợp áp dụng: Thường băng các bộ phận đều nhau như cánh tay, ngón tay, thân mình,...

Ví dụ: Băng cẳng tay.



Em hãy quan sát hình 2.6 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

- **Chuẩn bị:** 1 cuộn băng, gạc, ghim cài băng, kéo,...
- **Bước 1:** Đặt gạc lên vết thương; cố định vòng băng đầu tiên tại cổ tay tương tự như băng số 8 (hình 2.6a).
- **Bước 2:** Ngón cái của bàn tay trái đè lên chỗ định gấp lại, nói dài cuộn băng khoảng 15 cm, tay phải lật băng kéo xuống dưới và gấp lại, quấn lấy chỗ băng (hình 2.6b).
- **Bước 3:** Cố định vòng băng cuối tại cẳng tay (sát khuỷu tay) bằng ghim cài băng (hình 2.6c).



Hình 2.6. Băng dấu nhân

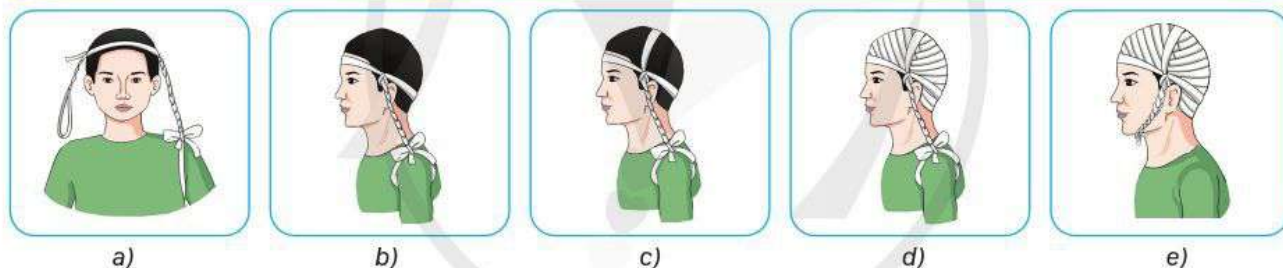
d) Băng hồi quy

Trường hợp áp dụng: Thường băng đầu, đầu ngón tay,...

Ví dụ: Băng đầu (kiểu quai mũ).



Em hãy quan sát hình 2.7 và thực hiện theo hướng dẫn sau:



Hình 2.7. Băng hồi quy

- **Chuẩn bị:** 1 cuộn băng, gạc, ghim cài băng, kéo,...
- **Bước 1:** Buộc tạm 1 đầu cuộn băng vào vai trái (đầu chò), sau đó đưa cuộn băng vắt qua đầu và làm một vòng xoắn ở mang tai phải (hình 2.7a).
- **Bước 2:** Cố định vòng băng đầu tiên quanh đầu bằng 2 – 3 vòng băng trùng khít (hình 2.7b); lần lượt đưa các đường băng qua đầu, đường băng đầu tiên qua đỉnh đầu, các đường băng tiếp theo phủ dần về hai phía (trán, gáy), đến khi kín đầu; đường băng sau phủ lên 2/3 chiều rộng đường băng trước; các đường băng đều gấp nhau và đầu băng được xoắn ở hai bên mang tai (hồi quy) (hình 2.7c, d).
- **Bước 3:** Buộc đầu cuối của băng với đầu băng chò ở vai trái tạo thành quai mũ (hình 2.7e)



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp bạn băng bàn tay (theo kiểu băng số 8), băng cánh tay (theo kiểu băng vòng xoắn), băng cẳng tay (theo kiểu băng chữ nhân) và băng đầu (theo kiểu băng hồi quy).

IV. CỐ ĐỊNH TẠM THỜI XƯƠNG GÃY

1. Mục đích

Cố định tạm thời xương gãy làm giảm đau, ngăn ngừa các tổn thương thứ phát phần mềm, mạch máu, thần kinh, dây chằng,... tạo điều kiện điều trị tiếp theo tốt hơn, góp phần giảm tỉ lệ tử vong và tàn phế cho nạn nhân.



Theo em, việc cố định tạm thời xương gãy có tác dụng như thế nào?

2. Kỹ thuật một số cách cố định tạm thời xương gãy thông thường

a) Xương cẳng tay gãy



Em hãy quan sát hình 2.8 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

– **Chuẩn bị:** Hai nẹp tre hoặc gỗ (nẹp 1 dài khoảng 35 cm, nẹp 2 dài khoảng 40 cm), bông, khăn tam giác, băng cuộn,...

– **Bước 1:** Đặt nẹp 1 ở mặt trước của cẳng tay bị gãy, từ nếp gấp khuỷu tay đến khớp bàn tay, đặt nẹp 2 ở mặt sau cẳng tay, từ quá khuỷu đến khớp bàn tay; đặt bông tại 4 đầu nẹp và chỗ xương tiếp xúc với nẹp.

– **Bước 2:** Băng cố định nẹp với cẳng tay theo kiểu băng số 8 (có vòng băng cố định ở cổ tay và ở phía trên khuỷu tay).

– **Bước 3:** Treo tay trước ngực bằng khăn tam giác (cẳng tay vuông góc với cánh tay, bàn tay quay úp vào người).



Hình 2.8. Cố định tạm thời xương cẳng tay gãy

b) Xương đùi gãy



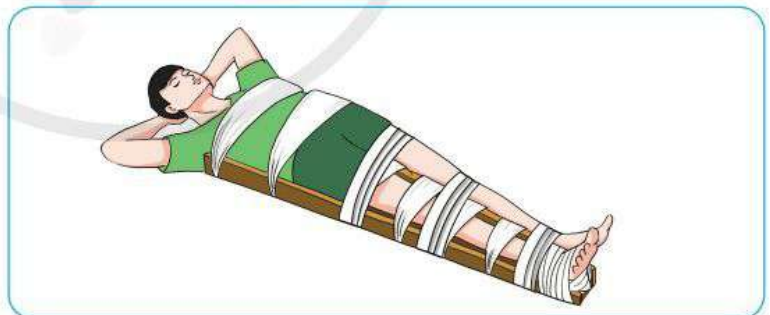
Em hãy quan sát hình 2.9 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

– **Chuẩn bị:** Ba nẹp tre hoặc gỗ (nẹp 1 dài khoảng 80 cm, nẹp 2 dài khoảng 100 cm, nẹp 3 dài khoảng 110 cm), bông, băng cuộn,...

– **Bước 1:** Đặt nẹp 2 ở mặt sau đùi đến quá gót chân khoảng 1 cm, đặt nẹp 3 ở mặt ngoài đùi đến quá gan bàn chân khoảng 1 cm; đặt nẹp 1 ở mặt trong đùi đến quá gan bàn chân khoảng 1 cm; đặt bông tại các đầu nẹp.

– **Bước 2:** Buộc dây tại các vị trí trên cổ chân, ngang ngực, ngang hông, dưới khớp gối; băng số 8 ở bàn chân sao cho bàn chân vuông góc với cẳng chân.

– **Bước 3:** Buộc hai chân vào nhau tại các vị trí gối và cổ chân để cố định.



Hình 2.9. Cố định tạm thời xương đùi gãy



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp bạn thực hiện cố định tạm thời xương cẳng tay gãy và xương đùi gãy.

V. HÔ HẤP NHÂN TẠO

1. Mục đích

Hô hấp nhân tạo là làm cho không khí ở ngoài vào phổi và không khí ở phổi ra ngoài để thay thế cho hô hấp tự nhiên khi nạn nhân ngạt thở.

 Theo em, hô hấp nhân tạo có tác dụng gì? Thường được thực hiện theo những cách nào?

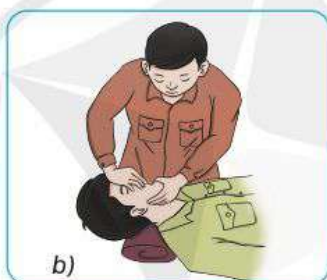
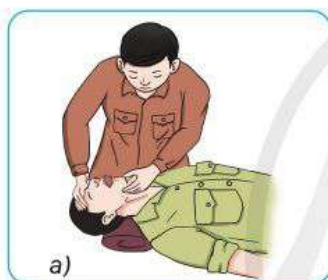
2. Kỹ thuật một số cách hô hấp nhân tạo thông thường

a) Hà hơi, thổi ngạt



Em hãy quan sát hình 2.10 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

- **Bước 1:** Người cấp cứu quỳ bên cạnh nạn nhân, lau sạch đờm dãi trong miệng nạn nhân, khơi thông đường thở (hình 2.10a).
- **Bước 2:** Dùng một tay bóp kín hai bên mũi nạn nhân, một tay kéo hàm xuống dưới để miệng mở ra (hình 2.10b).
- **Bước 3:** Hít một hơi thật dài, áp miệng vào miệng nạn nhân rồi thổi, làm liên tục 15 – 20 lần/phút (hình 2.10c).



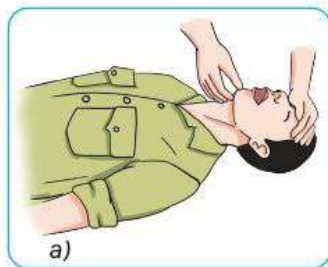
Hình 2.10. Hà hơi, thổi ngạt

b) Ép tim ngoài lồng ngực



Em hãy quan sát hình 2.11 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

- **Bước 1:** Người cấp cứu quỳ bên cạnh nạn nhân, lau sạch đờm dãi trong miệng nạn nhân, khơi thông đường thở (hình 2.11a).
- **Bước 2:** Hai bàn tay đan đề lên nhau và đặt lên trên mũi xương ức của nạn nhân (hình 2.11b).
- **Bước 3:** Dùng sức nặng của thân trên ấn mạnh, nhanh thẳng lồng ngực xuống khoảng 3,5 – 5 cm, làm liên tục 50 – 60 lần/ phút (hình 2.11c).



Hình 2.11. Ép tim ngoài lồng ngực



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp bạn thực hiện hà hơi, thổi ngạt; ép tim ngoài lồng ngực.

VI. CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục đích

Chuyển thương là vận chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế đúng kỹ thuật, an toàn và sớm nhất nhằm hạn chế thấp nhất biến chứng có thể xảy ra.

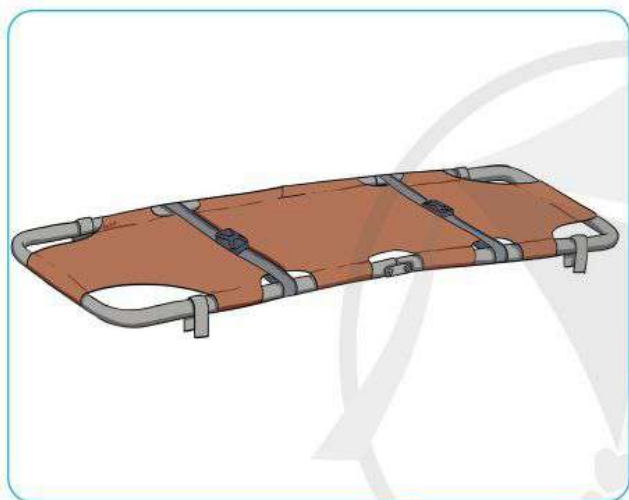


Theo em, vì sao cần vận chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế bảo đảm an toàn và sớm nhất?

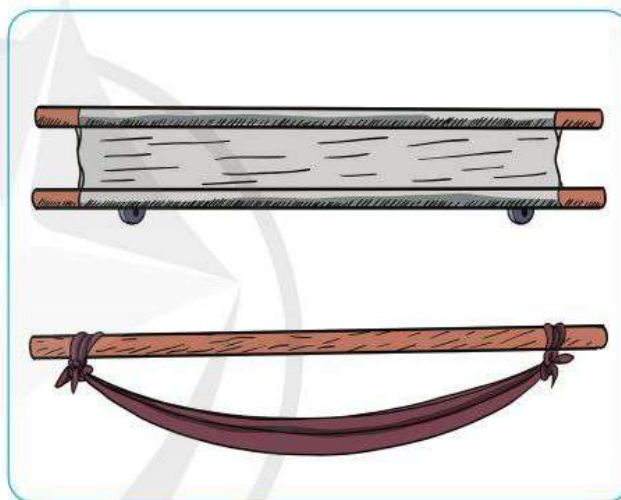
2. Một số cách chuyển thương thông thường

a) Bế, cõng, vác: Áp dụng cho trường hợp vết thương nhẹ, không tổn thương cột sống, di chuyển quãng đường ngắn.

b) Chuyển thương bằng cáng: Áp dụng cho trường hợp vết thương nặng, di chuyển quãng đường dài. Có các loại cáng chuyển thương phổ biến là cáng bạt khiêng tay và cáng ứng dụng (sử dụng vật liệu có sẵn).



Hình 2.12. Cáng bạt khiêng tay



Hình 2.13. Một số cáng ứng dụng

3. Kỹ thuật một số cách chuyển thương thông thường

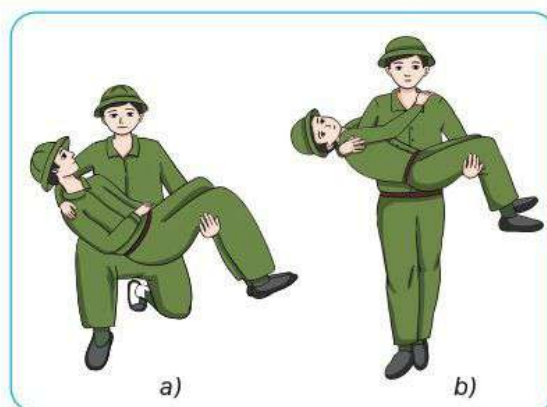
a) Bế



Em hãy quan sát hình 2.14 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

– *Bước 1*: Người cấp cứu tiếp cận nạn nhân ở tư thế quỳ một chân cao, một chân thấp; đỡ nạn nhân ngồi dậy, cho nạn nhân dựa lưng vào đùi của chân quỳ cao, một tay đặt ở sau gáy đỡ cổ nạn nhân, một tay luồn qua khoeo chân nạn nhân (hình 2.14a).

– *Bước 2*: Gấp đùi nạn nhân sát vào bụng, kết hợp nâng nạn nhân lần lượt lên đùi của chân quỳ thấp và chân quỳ cao; dồn sức bế nạn nhân và đứng dậy để di chuyển (hình 2.14b).



Hình 2.14. Chuyển thương bằng cách bế

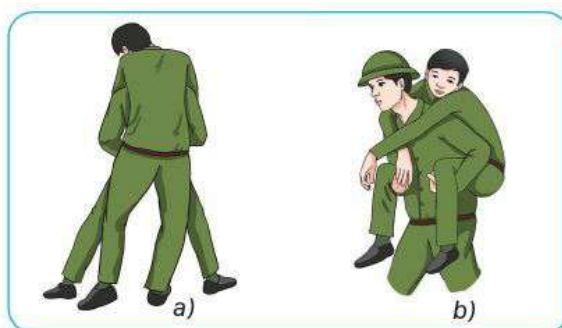
b) Cồng



Em hãy quan sát hình 2.15 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

– **Bước 1:** Người cấp cứu luồn hai tay qua nách xuống dưới vai nạn nhân, nâng nạn nhân ngồi dậy, kết hợp thu chân trước về phía sau đỡ nạn nhân đứng dậy và ngả người cho nạn nhân dựa vào. Nắm một tay nạn nhân đồng thời xoay người, hạ thấp trọng tâm cho thân nạn nhân dựa vào lưng (hình 2.15a).

– **Bước 2:** Luồn hai tay dưới khoeo chân nạn nhân, dồn sức cồng nạn nhân và đứng dậy để di chuyển (hình 2.15b).



Hình 2.15. Chuyển thương bằng cách cồng

c) Vác



Em hãy quan sát hình 2.16 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

– **Bước 1:** Người cấp cứu luồn hai tay qua nách xuống dưới vai nạn nhân, nâng nạn nhân ngồi dậy, kết hợp thu chân trước về phía sau đỡ nạn nhân đứng dậy và ngả người cho nạn nhân dựa vào. Tay trên nắm một tay của nạn nhân đồng thời xoay người, hạ thấp trọng tâm; tay dưới luồn qua háng, ghé vai và cho thân nạn nhân dựa lên hai vai (hình 2.16a).

– **Bước 2:** Dồn sức vác nạn nhân và đứng dậy để di chuyển (hình 2.16b).



Hình 2.16. Chuyển thương bằng cách vác

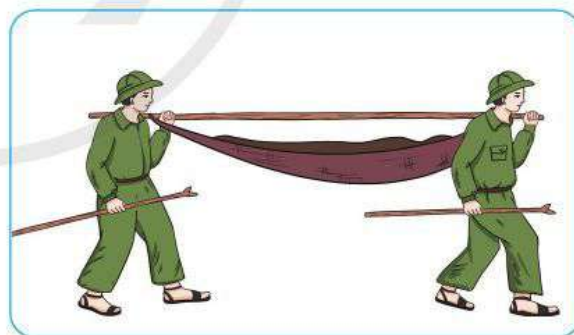
d) Chuyển thương bằng cang



Em hãy quan sát hình 2.17 và thực hiện theo hướng dẫn sau:

– **Bước 1:** Đặt nạn nhân lên cang, đầu hướng về phía người đi trước và cao hơn chân.

– **Bước 2:** Người trước bước chân phải thì người sau bước chân trái, cứ như vậy giữ thăng bằng suốt quá trình đi. Khi nghỉ giải lao dùng hai gậy chống cang và giữ cho chắc.



Hình 2.17. Chuyển thương bằng cang



Em hãy quan sát, nhận xét, góp ý và giúp bạn thực hiện bế, cồng, vác nạn nhân và chuyển nạn nhân bằng cang.



1. Em hãy trình bày trước lớp bảng quy tắc đơn giản sơ cứu một số tai nạn thông thường áp dụng cho các thành viên gia đình em.

2. Em hãy xây dựng và trình bày trước lớp sơ đồ hướng dẫn một số cách sơ cứu tai nạn thông thường áp dụng cho học sinh ở trường em đang học.

BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Áo phao cứu sinh	là loại áo được chế tạo dùng để mặc, có tác dụng giữ người nổi trên mặt nước.	27, 28
Bức hàng	là làm cho quân địch bị dồn vào thế bắt buộc phải đầu hàng.	10
Bức rút	là làm cho quân địch bị dồn vào thế bắt buộc phải rút quân.	10
Chí công vô tư	là hoàn toàn vì lợi ích chung, không vì lợi ích riêng.	7, 9
Covid-19	là tên bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi-rút corona gây ra (viết tắt cụm từ "corona virus disease 2019").	34, 75
Cự li	là khoảng cách theo chiều dọc.	53, 54, 59,...
Cửa khẩu	là chỗ dùng làm nơi ra vào của một nước.	5
Dân quân tự vệ	là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát li sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế gọi là tự vệ.	5, 9, 10, 11,...
Dải phân cách	là bộ phận của đường để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt hoặc để phân chia phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ.	25, 26
Dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân	là thiết bị cứu sinh sử dụng cầm tay hoặc đeo trên người có tác dụng giữ người nổi trên mặt nước mà dụng cụ nổi đó vẫn giữ nguyên được hình dạng và đặc tính kĩ thuật trong suốt quá trình hoạt động ở dưới nước (trừ phao tròn và áo phao).	27, 28
Đường bộ	gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.	25, 26
Đường ngang	là đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.	27, 46
Gián cách	là khoảng cách theo chiều ngang.	59, 60

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Hải quan	là việc kiểm soát và đánh thuế đối với hàng hoá xuất nhập cảnh.	5, 86, 87
Hội thao	là cuộc thao diễn về động tác kĩ thuật, chiến thuật, đội ngũ, thể thao quân sự nhằm kiểm tra và đánh giá kết quả huấn luyện.	56, 63, 87
Làn đường	là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ bề rộng cho xe chạy an toàn.	25
Lối đi tự mở	là đoạn đường bộ giao nhau với đường sắt do tổ chức, cá nhân tự xây dựng và khai thác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.	27
Lực lượng vũ trang ba thứ quân	gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.	10
Ngoại khóa	là môn học hoặc hoạt động giáo dục ngoài giờ, ngoài chương trình chính thức.	13, 17
Tiền chất	là hoá chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma tuý được quy định trong danh mục tiền chất do Chính phủ ban hành.	19
Thuốc gây nghiện	là thuốc có chứa dược chất kích thích hoặc ức chế thần kinh dễ gây ra tình trạng nghiện đối với người sử dụng thuộc Danh mục dược chất gây nghiện do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.	19
Thuốc hướng thần	là thuốc có chứa dược chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng thuộc Danh mục dược chất hướng thần do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.	19
Tù binh	là người của lực lượng vũ trang đối phương bị bắt trong chiến tranh.	10, 41
Vạch dấu mớn nước an toàn	là vạch đánh dấu trên phương tiện để giới hạn phần thân phương tiện được phép chìm trong nước khi hoạt động.	28
Vệ sĩ	là người chuyên làm nhiệm vụ bảo vệ nhân vật quan trọng.	5

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.37547735 | Email: nxb@hnue.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập viên:

HÀ PHƯƠNG ANH – NGUYỄN THỊ THUỶ

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

Minh hoạ:

LÊ ANH TUẤN – GIÁP THỊ HỒNG NHUNG

Thiết kế sách:

LƯƠNG QUỐC HIỆP – TRẦN QUANG ANH – VŨ HÀ
NGUYỄN THỊ THANH HIỀN – GIÁP THỊ HỒNG NHUNG – VŨ HOÀNG VŨ

Sửa bản in:

HOÀNG MINH ĐỨC

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10

Mã số:

ISBN

In cuốn, khổ 19 x 26,5cm, tại

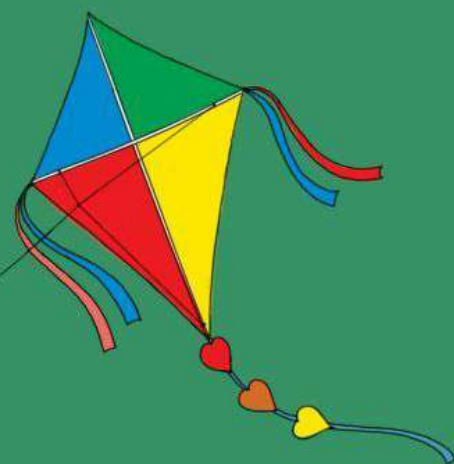
Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20.....

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Giáo dục quốc phòng và an ninh 10* được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành kèm theo Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24-11-2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các bài học trong sách được thiết kế nhằm hình thành, phát triển năng lực nhận thức một số vấn đề về quốc phòng, an ninh và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống.

Tác giả sách giáo khoa là những nhà khoa học, nhà sư phạm, nhà giáo giàu kinh nghiệm trong giáo dục quốc phòng và an ninh.



1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com.
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

SÁCH KHÔNG BÁN